

BIÊN SOẠN: NGUYỄN BÍCH HÀNG
HIỆU ĐÍNH: TRẦN TIẾN BÌNH

HOÀNG LỊCH

2007

2008-2009

(Xem ngày tốt xấu
theo lịch dân gian)



NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

NGUYỄN BÍCH HẰNG

HOÀNG LỊCH

2007 - 2008 - 2009

(Xem ngày tốt xấu theo lịch dân gian)

Thẩm định: TRẦN TIẾN BÌNH

(Ban lịch Nhà nước)

NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

LỜI NÓI ĐẦU

Ông bà ta xưa quan niệm: **Lịch** không chỉ là những số đếm thời gian - giờ, ngày, tháng, năm mà còn mang ý nghĩa cát, hung nhất định, do ảnh hưởng của Nhật, Nguyệt, Tinh thần (Vũ trụ) tới mọi sinh linh trên trái đất. Và cho rằng, để có được thuận lợi, thành công trong cuộc sống con người cần phải hành sự phù hợp với sự xoay vần của Nhật, Nguyệt, Tinh thần theo quy luật "Thiên thời - Địa lợi - Nhân hòa".

Trải qua mọi thăng trầm của lịch sử, biến động của môi trường, được chiêm nghiệm, sàng lọc qua thực tế, **xem ngày tốt xấu** để tiến hành các công việc lớn, nhỏ trong gia đình, họ tộc, làng xã, trong các nghi thức tín ngưỡng cộng đồng, đã trở thành **tập tục** mang nét văn hóa rất riêng của người Việt Nam. Ngày nay **tập tục xem ngày tốt xấu** để dụng sự vẫn được quan tâm coi trọng trong đời sống văn hóa xã hội hiện đại. Điều đó, nói lên rằng: Chúng ta luôn tôn trọng và chủ trương sống hài hòa với môi trường để đón nhận từ thế giới tự nhiên những điều tốt đẹp. Khoa học ngày nay đã cân, đong, đo, đếm được những nguồn bức xạ từ **vũ trụ** có ảnh hưởng tới: Khí quyển, khí hậu, thời tiết... của Trái đất và ảnh hưởng tới tâm sinh lý, sức khỏe, đồng hồ sinh học, và mọi hoạt động sống của con người, đồng thời thừa nhận Tục **XEM NGÀY TỐT XẤU THEO LỊCH DÂN GIAN** là có cơ sở khoa học và giá trị thực tiễn.

Đáp ứng nhu cầu của đông đảo bạn đọc, Nhà xuất bản Hải Phòng cho ấn hành cuốn **HOÀNG LỊCH (XEM NGÀY TỐT XẤU THEO LỊCH DÂN GIAN)** năm 2007 – 2008 – 2009 do tác giả: Cử nhân Hán ngữ và Khoa học Nguyễn Bích Hằng biên soạn theo các dữ liệu của **Hoàng lịch thông thư**.

Đây là cuốn lịch được soạn thảo công phu, cẩn trọng, cụ thể hoá cát, hung vào những việc nên làm và không nên làm cho từng ngày trong năm, dựa vào các yếu tố: Âm Dương, Ngũ hành, Bát quái, Cửu cung, Nhị thập bát tú, Thập nhị thần, 12 Trục, 12 cung Hoàng đạo, Hắc đạo v.v... Cuốn lịch đã được Thạc sĩ Khoa học **Trần Tiến Bình** (Ban Lịch Nhà nước) thẩm định, chỉnh sửa theo đúng ngày, giờ, năm, tháng, can chi của lịch Việt Nam.

Hy vọng cuốn **HOÀNG LỊCH** sẽ là tài liệu tham khảo giúp bạn đọc tra cứu, tìm hiểu quan điểm của người xưa về xem ngày, giờ tốt xấu để tiến hành các công việc nhằm hướng tới bình an, thuận lợi trong cuộc sống.

NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

PHẦN I

**XEM NGÀY TỐT XẤU
THEO LỊCH DÂN GIAN NĂM 2007**

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/1 Hắc đạo	17/2	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Lắp hàng hố	* Cưới gả * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
2/1 Hoàng đạo	18/2	* Cưới gả * Chôn cất * Làm nhà * Mở cửa hàng, cửa hiệu * Đi xa trở về	* Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Ký kết giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Xuất hành đi xa
* Thứ: Chủ nhật * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/1	19/2	* Nộp đơn, xuất hành đi xa * Nhậm chức * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhận tiền của * Gieo trồng, rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ * Mua gia súc	* Cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng
4/1 Hắc đạo	20/2	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nhập học * Mời thầy chữa bệnh * Sửa kho * Đặt khung cửi * Nhận tiền của * Đặt cối xay gạo * Mua gia súc	* Cưới, gả * An táng, cải táng * Làm nhà, làm bếp * Săn bắt muông thú
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Ngọ, Mão, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/1	21/2	* Thu nạp người, nhập học * Động thổ xây dựng * Dựng cột gác xà. * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * An táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Nhập trạch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
6/1	22/2	* Thu nạp người * Di chuyển đến nơi ở mới * Tu tạo * Ký kết giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở kho xuất tiền hàng	* Khởi mương * Đào giếng * Đặt cối xay gạo * Lắp hàng hố * Sửa tường, sửa đường

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/1	23/2	* Nhập học * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Chặt cây lấy gỗ	* Gieo trồng rau, cây ăn quả rau, ngũ cốc * Mua gia súc * Đặt cối xay gạo * Xếp đặt buồng sản phụ * Mời thầy chữa bệnh
8/1	24/2	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chôn cất, đám tang, cải táng * Làm nhà * Mở cửa hàng, cửa hiệu * Đi xa trở về	* Đắp đê phòng lụt * Phá bỏ tường bao nhà cũ
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/1	25/2	* Nộp đơn, hội họp * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Sửa kho * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Chính Đông			
10/1 Hắc Đạo	26/2	* Dựng cột, gác xà * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lắp hàng hố * May quần áo cưới	* Khởi công, tôn tạo * Kê giường cho đám cưới * Mời thầy chữa bệnh * Cưới gả
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/1	27/2	* Đinh hôn, cưới gả * Thu nạp người * Mời thầy chữa bệnh * Tu tạo, động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho xuất tiền hàng * Lâm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * May quần áo cô dâu
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
12/1	28/2	* Hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cưới	* Cúng tế * Chặt cây lấy gỗ * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Săn bắt muông thú
Hoàng Đạo		* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Quý Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam	

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/1 Hắc đạo	1/3	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lắp hàng hố * May quần áo cưới * Săn bắt muông thú	* Cầu phúc, cầu tự * Ký kết giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Đánh cá, đi thuyền.
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Đinh * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
14/1 Hoàng đạo	2/2	* Cùng tế, hội hè, đình đám * Dỡ nhà, phá tường, phá bếp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng	* Khởi công * Tu tạo, nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Giao dịch, nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Khởi mương, đào giếng * Lắp hàng hố, sửa tường * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/1 Hoàng Đạo	3/3	* Cúng bái, tế lễ, hội hè * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú	* Cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết giao dịch
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
16/1 Hắc Đạo	4/3	* Tham quan * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá	* Bàn bạc, hội họp * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Phá thổ, an táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/1	5/3	* Cúng tế, cầu kinh * Săn bắt muông thú * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Vét ao bắt cá * Chặt cây lấy gỗ	* Nhập trạch * Hôn nhân, ăn hỏi, cưới gả * Khởi tạo * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
18/1	6/3	* Cúng tế * Nhập học * Mở kho xuất tiền hàng	* Nhập trạch * Hôn nhân * Động thổ xây dựng * Sửa đường * Phá nhà, dỡ tường * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
Hắc Đạo			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/1 Hoàng đạo	7/3	* Thu nạp người làm * Di chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Đánh cá, đi thuyền * Mở kho, xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh	* Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Mua gia súc * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: thứ Tư * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Tị, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
20/1 Hoàng đạo	8/3	* Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Nộp đơn * Nhậm chức * Di chuyển đến nơi ở mới * Sửa kho * Khởi mương, đào giếng * Sửa đường * Chặt cây lấy gỗ	* Khai trương cửa hàng * Nhập trạch, * Dựng nhà * Xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/1	9/3	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Cúng tế, cầu phúc cầu tự * Hôn nhân, ăn hỏi, cưới gả * Xuất tiền hàng * Đào giếng, đào mương
* Thứ: thứ Sáu * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
22/1 Hắc đạo	10/3	* Cúng tế, cầu xin, cầu phúc * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lắp hàng hố * Chặt cây lấy gỗ	* Động thổ, làm nhà * Cưới hỏi, đính hôn * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/1	11/3	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Cưới gả
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
24/1 Hoàng Đạo	12/3	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Lấp hang hố	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/1 Hắc Đạo	13/3	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Lắp hàng hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Dựng cột, gác xà
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
26/1 Hoàng đạo	14/3	* Động thổ, xây nhà * Tôn tạo * An táng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Dời bếp * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch	* Chuyển đến nơi ở mới * Săn bắt muông thú
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/1	15/3	* Cúng tế, tế lễ * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng, rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Hội họp, đình đám * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
28/1 Hắc Đạo	16/3	* Nộp đơn * Nhập học * Lắp hàng hố * Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ	* Hội họp * Phá thổ, an táng, cải táng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG GIÊNG (thiếu) NHÂM DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/1	17/3	* Cúng tế * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Dựng cột, gác xà * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
30/1 Hắc Đạo	18/3	* Nhập học * Ủ men làm rượu, giấm * Lợp nóc nhà, quét vôi nhà * Phá thổ, an táng	* Cầu phúc, cầu tử * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết giao dịch * Phá tường * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/2 Hoàng Đạo	19/3	* Hội họp * May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Sửa kho * Mở kho, xuất tiền hàng * Dỡ nhà * Phá tường * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tý, Mậu Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: chính Nam * Hướng Tài thần: Tây – Bắc			
2/2 Hắc Đạo	20/3	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * May quần áo cưới * Lấp hang hố * Phá thổ	* Hội họp, bán bạc, họp mặt * Cưới hỏi * An táng, cải táng * Làm nhà * Làm bếp
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần? Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/2 Hoàng Đạo	21/3	* Phá thổ, an táng, cải táng * Hội họp * May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mua gia súc	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, xuất hành * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Sửa kho, mở kho * Xuất tiền hàng * Xếp đặt buồng sản phụ
4/2 Hoàng Đạo	22/3	* Hội họp, xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, cải táng	* Khơi mương, đào giếng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Mua gia súc
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tái thần: Đông – Nam			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Kiên * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/2	23/3	* Nhận người * Di chuyển đến chỗ ở mới * Xây dựng, dựng nhà * Mời thầy chữa bệnh * Gác xà * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Ký kết giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Săn bắt muông thú * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
6/2 Hắc đạo	24/3	* Lập ước giao dịch * Nạp tài * Họp thân hữu * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cầu tự, cầu phúc * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Quỷ (hung linh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/2 Hắc Đạo	25/3	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Lập kế ước giao dịch * May quần áo cưới * Đặt khung cửa * Nhận tiền của * Xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ tu tạo * Mời thầy chữa bệnh * Xếp đặt buồng sản phụ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Đính hôn, ăn hỏi * Động thổ xây dựng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
8/2	26/3	* Đính hôn, cưới gả * Thu nạp người * Dựng cột gác xà * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Hợp thân hữu * Di chuyển đến nơi ở mới * Mở kho xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, nạp gia súc	* Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Sửa kho * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/2 Hắc Đạo	27/3	* Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới	* Cưới gả * An táng, cải táng * Làm nhà, làm bếp * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Nhập trạch
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
10/2 Hoàng đạo	28/3	* Chôn cất, đám tang, cải táng * Làm nhà * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú	* Làm bếp * Đặt khung cửa * Mua gia súc * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/2	29/3	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Chăm sóc cây cối	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
12/2	30/3	* Cúng tế * Chặt cây lấy gỗ * Ủ men, làm rượu, giấm	* Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng * Làm bếp * Hôn nhân * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/2 Hoàng đạo	31/3	* Cúng tế * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Thu nạp người làm * Tu tạo, động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Sửa kho * Nạp tài * Mở kho xuất tiền hàng * Đuổi bắt gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Đặt khung cửi * Ủ men làm rượu, giấm * Chặt cây lấy gỗ * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
14/2 Hoàng đạo	1/4	* Mời thầy chữa bệnh * Chôn cất, đám tang, cải táng * Làm nhà * Dựng cột gác xà * Đi xa trở về	* Làm nhà, làm bếp * Châm cứu * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắn muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim - Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Sửu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/2 Hoàng đạo	2/4	* Hội họp * Dựng nhà * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Đám tang, cải táng	* Cúng tế, nộp đơn nhận chức * Tiếp xúc dân * Cưới gả * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Xếp đặt buồng sản phụ * Khởi mương, đào giếng * Đặt cối xay gạo * Sửa tường, sửa đường
16/2 Hoàng đạo	3/4	* Di chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột, gác xà * Lập ước giao dịch * Cải táng, an táng * Mời thầy chữa bệnh	* Khởi mương, đào giếng * Săn bắt muông thú * Mua gia súc * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Định hôn, cưới gả
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/2	4/4	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * May quần áo cưới * Đặt khung cửi * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Cưới hỏi * Khai trương cửa hàng * Mở kho, xuất tiến hàng * Lắp hàng hố * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
18/2 Hắc đạo	5/4	* Sửa đường * Săn bắt muông thú * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá bỏ nhà cũ tương bào	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới * Khởi mương, đào giếng * Đặt cối xay giã
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/2	6/4	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Lập ước, giao dịch * Nạp tài * Hợp thân hữu * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đắp đê * Động thổ, xây dựng, sửa kho, lợp mái * Khởi mương, đào giếng * Đặt cối xay gạo * Dỡ nhà, phá tường * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
20/2	7/4	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Nhậm chức * Dụng nhà, sửa kho * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Ủ men làm rượu * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/2 Hắc đạo	8/4	* Cúng tế * Đánh cá, đi thuyền * Phá thổ, mai táng * Gác xà * Lập ước giao dịch * Sửa kho	* Cầu phúc, cầu tự * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * Dựng nhà * Sửa kho * Đốt lò * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			
22/2 Hoàng đạo	9/4	* Mai táng, cải táng * Đánh cá, đi thuyền * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Hội họp * Tiếp xúc dân * Di chuyển đến nơi ở mới * Kê giường cưới * Mời thầy chữa bệnh * Xếp đặt buồng sản phụ * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/2	10/4	* Cúng tế * Lắp hàng hó * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Cưới gả * Xuất hành đi xa * Đình hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông Nam			
24/2 Hắc đạo	11/4	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Nhóm họp * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Đánh cá, đi thuyền	* Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/2	12/4	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Cưới hỏi * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * May quần áo cưới * Động thổ xây dựng * Xuất tiền hàng * An táng, cải táng * Khởi mương, đào giếng * Đặt cối xay gạo * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền trên sông, biển * Mời thầy chữa bệnh
26/2 Hắc đạo	13/4	* Gieo trồng rau, cây ăn quả * May quần áo cưới * Lắp hàng hố * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Nhậm chức * Cưới hỏi * Nhập trạch * Đi xa, trở về * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Lắp hàng hố

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/2 Hoàng đạo	14/4	* Hội họp * May quần áo cưới * Dựng nhà * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mua gia súc * An táng, cải táng	* Cúng tế * Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Đắp đê * Xếp đặt buồng sản phụ * Khởi mương, đào giếng * Sửa tường, sửa đường * Chặt cây lấy gỗ
28/2 Hoàng đạo	15/4	* Hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Khởi mương * Đào giếng * Phá bỏ nhà cũ * Lợp nóc nhà
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG HAI (thiếu) QUÝ MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/2	16/4	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn * Hội họp * May quần áo cưới, mừng thọ * Phá thổ, an táng	* Nhậm chức * Tiếp xúc dân * Đính hôn, cưới gả * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Sửa kho * Đốt lò * Đặt khung cửi * Khai trương cửa hàng * Giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, Xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI

THÁNG BA (Đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/3 Hoàng đạo	17/4	* Sửa đường * Gác xà * Đi tàu qua sông, biển * Xuất hành đi xa	* Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Ủ men làm rượu * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Đông			
2/3	18/4	* Cúng tế, cầu phúc cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Nhậm chức * Cưới hỏi * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho * Gieo trồng rau cây ăn quả, ngũ cốc * Mua gia súc * Phá thổ, an táng	* Lợp mái nhà * Khởi mương, đào giếng * Săn bắt muông thú
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (Đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/3 Hắc đạo	19/4	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nhận người * May quần áo cưới * Sửa kho * Đặt khung cửa * Nhận tiền của * Đặt cối xay giã * Mua gia súc	* Mời thầy chữa bệnh * Xếp đặt buồng sản phụ * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Động thổ xây dựng * Đính hôn, cưới gả
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tỉnh (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
4/3	20/4	* Cúng tế * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Lắp hàng hố	* Kê giường cưới * Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Quý (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (ĐỦ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/3 Hoàng đạo	21/4	* Đám tang, cải táng * Làm nhà, mở cửa hàng * Đi xa trở về * Mở kho, xuất tiền hàng * Ký kết, giao dịch * Diệt trừ sâu bọ phá hoại hoa màu	* Làm bếp * Chặt cây lấy gỗ * Làm chuồng trại, mua gia súc * Đi thuyền trên sông * Cưới gả
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Liêu (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
6/3 Hoàng đạo	22/4	* Cúng tế * Đánh cá, đi thuyền * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Nộp đơn * Mời thầy chữa bệnh * Cưới gả * An táng, cải táng * Làm nhà * Làm bếp
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI

THÁNG BA (Đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/3 Hoàng đạo	23/4	* Hạ bút, nhập học * Cưới hỏi * Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Nạp tài * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Tỵ, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng tài thần: Chính Tây			
8/3 Hoàng đạo	24/4	* Nhập học * Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Mở kho xuất hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Phá thổ, cải táng	* Di chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Ngọ, nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/3 Hắc đạo	25/4	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Mở kho xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh, * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * An táng, cải táng	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Đốt lò * Sửa đường
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
10/3	26/4	* Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Tu tạo, động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Nạp tài * Mở kho xuất tiền hàng * Đào giếng	* Cúng tế * Châm cứu * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắn muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/3 Hắc đạo	27/4	* Tiếp xúc dân * Ký kết, giao dịch * Lợp nóc nhà * Phá bỏ nhà cũ	* Cầu phúc, cầu tự * Cưới hỏi * Mời thầy chữa bệnh * Khởi mương, đào giếng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
12/3 Hoàng đạo	28/4	* Thu nạp người * Dựng cột, gác xà * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Mở kho xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Đặt khung cửa * Xếp đặt buồng sản phụ * Khởi mương, đào giếng.
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/3 Hoàng đạo	29/4	* Cúng tế, cầu phúc * May quần áo cưới	* Nộp đơn, xuất hành * Cưới hỏi * Mời thầy chữa bệnh * Sửa kho, mở kho * Xuất tiền hàng * Khởi mương, đào giếng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Quý Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
14/3	30/4	* Cúng tế, cầu phúc * Sửa đường * Sửa tường	* Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/3 Hắc đạo	1/5	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Ủ men làm rượu, giấm * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Đông – Nam			
16/3 Hoàng đạo	2/5	* Cúng tế, cầu phúc * May quần áo cưới * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Nộp đơn, xuất hành * Cưới hỏi * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: thân * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (đu) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/3 Hoàng đạo	3/5	* Lập ước giao dịch * Dựng cột, gác xà * Đuổi bắt * An táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Cưới gả
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
18/3 Hắc đạo	4/5	* Đánh cá, đi thuyền * Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, xuất hành * Mời thầy chữa bệnh * Khơi mương, đào giếng * Lấp hang hố * Sửa tường, dỡ nhà * Làm chuồng trại, chăn nuôi
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/3 Hoàng đạo	5/5	* Cúng tế * Nộp đơn * Nhập học, xuất hành * Nhận chức * Cưới hỏi * Di chuyển đến nơi ở mới * Tu tạo, động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Phá bỏ nhà cũ
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, quý Tị * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
20/3	6/5	* Nhập học * Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Thu nạp người * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Lập ước, giao dịch * Mở kho xuất tiền hàng * Nạp tài * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Phá thổ, cải táng	* Di chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/3 Hắc đạo	7/5	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Hội họp * Nhập học * Nhậm chức * Dựng cột, gác xà * Lập ước giao dịch * Mở kho xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Phá thổ, cải táng, cải táng	* Di chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Đánh cá, đi thuyền * Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
22/3 Hoàng đạo	8/5	* Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Tu tạo, động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Nạp tài * Mở kho xuất tiền hàng * Đào giếng	* Châm cứu * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắn * muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/3 Hắc đạo	9/5	* May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ * Phá bỏ nhà cũ * Đi tàu qua sông, qua biển	* Cầu phúc, cầu tự * Cưới hỏi * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Sửa kho, mở kho, xuất tiền hàng * Khởi mương, đào giếng * Dỡ phá tường * Chặt cây lấy gỗ * Đánh cá, đi thuyền * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
24/3 Hoàng đạo	10/5	* Cúng tế, cầu phúc * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh	* Khai trương cửa hàng * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/3 Hoàng đạo	11/5	* Hôn nhân * Tu tạo, động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Lập ước, giao dịch * Nạp tài * Mở kho xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, nạp gia súc	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Săn bắn muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tí * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
26/3	12/5	* Cúng tế * Sửa tường * Sửa đường * Lợp nóc nhà * Quét vôi nhà * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Xếp đặt buồng sản phụ * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/3 Hắc đạo	13/5	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Quét vôi, sơn tường * Làm hàng rào	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Mão * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tà			
28/3	14/5	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng	* Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Nhận tiền của * Mở kho xuất tiền hàng * Mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BA (đủ) GIÁP THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/3 Hoàng đạo	15/5	* Cưới gả * Đám tang, cải táng * Làm nhà * Mở cửa hàng, cửa hiệu * Đi xa trở về * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh	* Làm bếp * Đặt khung cửa hàng * Khai trương cửa hàng * Đốt lò
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
30/3 Hắc đạo	16/5	* Đánh cá, đi thuyền * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Tiếp xúc dân * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khơi mương, đào giếng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/4 Hoàng đạo	17/5	* Đánh cá, đi thuyền * Mở cửa hàng, cửa hiệu * Lấp hang hố * Nhận tiền của	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi * Khơi mương, đào giếng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
2/4 Hắc đạo	18/5	* Vét ao bắt cá * Chặt cây lấy gỗ * Phá bỏ nhà cũ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tý, Bính Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/4 Hắc đạo	19/5	* Dựng cột, gác xà * Nạp tài * Lập ước giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ủ men làm rượu, giấm	* Cầu phúc, cầu tự * Nhậm chức * May quần áo cưới * Xếp đặt buồng sản phụ * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Liều (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
4/4	20/5	* Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Mời thầy chữa bệnh * Đặt cối xay giã * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế * Mở kho, xuất tiền hàng * Chặt cây lấy gỗ * Đánh cá, đi thuyền * Khai trương cửa hàng * Cưới gả
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/4 Hắc đạo	21/5	* Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú	* Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Châm cứu * Chữa mắt * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
6/4	22/5	* Cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng	* Cầu phúc, cầu tự * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Khơi mương * Đào giếng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Dục * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Bắc * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/4 Hắc đạo	23/5	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * May quần áo cưới * Di chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột, gác xà * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Khai trương cửa hàng * Cưới gả
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Kiên * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
8/4 Hoàng đạo	24/5	* Chôn cất, đám tang, cải táng * Mở cửa hàng, cửa hiệu * Đi xa trở về * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng	* Cưới gả * Làm chuồng trại, mua gia súc * Làm bếp * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI

THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/4 Hoàng đạo	25/5	* Mở cửa hàng cửa hiệu * Đi xa trở về * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Chặt cây lấy gỗ * Lắp hàng hố * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Mão * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
10/4	26/5	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Thu nạp người * Tu tạo, động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Mở kho xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Sửa tường * Sửa đường * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đê (Cát Tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỴ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/4 Hắc đạo	27/5	* Thu nạp người * Di chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột, gác xà * Lập ước, giao dịch * Làm Chuồng trại, mua gia súc	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Sửa tường, sửa đường * Khởi mương, đào giếng * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Dậu * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc (hung tính) * Sao: Phòng * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Đông			
12/4	28/5	* Phá bỏ nhà cũ * Lợp nóc nhà * Quét vôi nhà * Chặt cây lấy gỗ * Phá thổ, an táng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tâm (hung tính) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tỵ, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/4 Hoàng đạo	29/5	* Chôn cất, đám tang, cải táng * Đi xa trở về * Lắp hàng hố * Chặt cây lấy gỗ * Đi khơi đánh cá	* Mời thầy chữa bệnh * Đặt khung cửi * Xếp đặt chỗ ngồi * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
14/4 Hắc đạo	30/5	* Chặt cây lấy gỗ * Quét vôi tường * Săn bắt muông thú * May quần áo cưới, mừng thọ	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Cưới gả
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/4 Hắc đạo	31/5	* Dựng cột, gác xà * Nạp tài * Lập ước giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Chặt cây lấy gỗ	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Kê giường cưới * May quần áo cô dâu * Khơi mương, đào giếng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
16/4	1/6	* Thu nạp người * Di chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột, gác xà * Mời thầy chữa bệnh * Lập ước giao dịch * Đuổi bắt * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng * Khơi mương, đào giếng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cúng tế * Châm cứu * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền trên sông, biển
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/4 Hắc đạo	2/6	* Cúng tế * May quần áo cưới * Lấp hang hố * vét ao bắt cá * Phá thổ, an táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Châm cứu * Săn bắt muông thú * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nữ: (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
18/4	3/6	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Dựng cột, gác xà * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Mời thầy chữa bệnh * Đi xa trở về
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/4 Hắc đạo	4/6	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Ủ men làm rượu, giấm * Chặt cây lấy gỗ	* Cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * An táng, cải táng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nguy: (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
20/4 Hoàng đạo	5/6	* Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mời thầy chữa bệnh * Khởi mương, đào giếng	* Xuất hành đi xa * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Đắp đê chống lụt
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Tý, Bính tý, Canh Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/4 Hoàng đạo	6/6	* An táng, cải táng * Cưới gả * Làm nhà * Mở cửa hàng, cửa hiệu * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Phá bỏ nhà cũ
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Đông			
22/4	7/6	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Nhận chức * Cưới hỏi * Di chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Khơi mương * Đào giếng * Chặt cây lấy gỗ * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/4 Hắc đạo	8/6	* Cúng tế, cầu phúc * Thu nạp người * Mời thầy chữa bệnh * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Đánh cá, đi thuyền * Mua gia súc	* Hội họp * Đắp đê * Khai trương cửa hàng * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Sửa tường, sửa đường * Khởi mương, đào giếng * Đặt cối xay giã
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			
24/4	9/6	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Mời thầy chữa bệnh * Dỡ nhà, phá tường * Chặt cây lấy gỗ	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Động thổ xây dựng, xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Xếp đặt buồng sản phụ.
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tái thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/4 Hoàng đạo	10/6	* Làm nhà * Mở cửa hàng cửa hiệu * Đi xa trở về * cưới gả * Chôn cất, đám tang, cải táng	* Đặt khung cửa * Ủ men làm rượu, ngâm giấm * Đánh cá, đi thuyền * Làm bếp
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
26/4 Hắc đạo	11/6	* Cúng tế * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới * Dựng cột gác xà * Lập ước giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Cải táng, an táng	* Đi xa trở về * Đánh cá, đi thuyền * Động thổ xây dựng * Đình hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/4 Hoàng đạo	12/6	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Mở kho, xuất tiền hàng * Động thổ xây dựng xây dựng * Nhận người * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Mời thầy chữa bệnh * An táng, cải táng * Làm bếp
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
28/4	13/6	* Nộp đơn, hội họp, nhập học * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Mời thầy chữa bệnh * Khởi mương, đào giếng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế * Châm cứu * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TƯ (thiếu) ẤT TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/4 Hắc đạo	14/6	* Mời thầy chữa bệnh * Khởi mương, đào giếng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Lập hang hố * Đặt khung cửi * Chữa mắt, * Châm cứu * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÌNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/5	15/6	* Săn bắt muông thú * May quần áo cô dâu * Chặt cây lấy gỗ	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
2/5	16/6	* Mở kho, xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc * Khởi mương, đào giếng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Dựng cột gác xà	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Cưới gả
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÍNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/5	17/6	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Dựng nhà * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Mời thầy chữa bệnh * Đắp đê chống lụt * Động thổ xây dựng * Khơi mương, đào giếng * Sửa tường, sửa đường
4/5 Hắc đạo	18/6	* Nộp đơn, hội họp * Đặt khung cửi * Tiếp xúc dân * Khơi mương, đào giếng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cưới hỏi * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Ở kho, xuất tiến hàng * Động thổ xây dựng, * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tỵ, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÍNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/5 Hoàng đạo	19/6	* Khởi tạo * Hôn nhân * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * An táng, cải táng * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch	* Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Dỡ nhà, phá tường * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
6/5 Hoàng đạo	20/6	* Mở cửa hàng, cửa hiệu * Đi xa trở về * May quần áo cưới * Đi xa trở về	* Khởi mương * Đào giếng * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÍNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/5	21/6	* Cúng tế, cầu phúc cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Vét ao bắt cá	* Dựng nhà * Sửa kho * Cải táng, an táng * Khơi mương * Đào giếng * Hôn nhân * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Đinh * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
8/5	22/6	* Dỡ nhà, phá tường * Nộp đơn, nhậm chức * Xếp đặt buồng sản phụ * Khơi mương * Đào giếng * Lắp hàng hố * Sửa tường * Chặt cây lấy gỗ * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Săn bắt muông thú	* Cầu phúc, cầu tự * Cưới gả * Di chuyển đến nơi ở mới * Kê giường cưới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng xây dựng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Tị, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây	Hắc đạo		

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÍNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/5	23/6	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Lắp hang hố * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
10/5	24/6	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng	* Di chuyển đến nơi ở mới * Đi thuyền, đánh cá * Cưới gả * Mở cửa hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc	Hoàng đạo		

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÍNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/5 Hắc đạo	25/6	* Nộp đơn, hội họp * Dựng cột gác xà * Thu nạp người * Nhận tiền của * An táng, cải táng * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Mua gia súc	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng xây dựng * Sửa kho * Đặt khung cửi * Khơi mương * Đào giếng
12/5 Hoàng đạo	26/6	* Lợp nhà * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Khơi mương, đào giếng	* Chặt cây lấy gỗ * Làm bếp * Cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÌNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/5	27/6	* Cúng tế, cầu tự * Khởi mương, đào giếng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng	* Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Xuất hành đi xa
14/5 Hắc đạo	28/6	* Hội họp * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Đắp đê phòng lụt * Dựng nhà * Xếp đặt buồng sản phụ * Khởi mương * Đào giếng * Đặt cối xay gạo * Động thổ xây dựng * Cưới gả
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÍNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/5	29/6	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Chặt cây lấy gỗ * Đi thuyền trên sông * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Lâm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng	* Lợp mái nhà * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
16/5 Hắc đạo	30/6	* Cúng tế * Hội họp * Thu nạp người * Di chuyển đến nơi ở mới * Vét ao bắt cá	* Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Cưới gả
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÍNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/5 Hoàng đạo	1/7	* Thu nạp người * Di chuyển đến nơi ở mới * Khai trương cửa hàng * Nạp tài * Lắp hàng hố * Đào huyệt, an táng * Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng	* Lợp mái nhà * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
18/5 Hoàng đạo	2/7	* Nhậm chức * Tiếp xúc dân * Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá * May quần áo cưới * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng	* Hội họp * Mời thầy chữa bệnh * Sắp đặt buồng sản phụ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÍNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/5	3/7	* Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Cưới hỏi * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Dựng nhà * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Sửa kho * Ký kết giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
20/5	4/7	* Dỡ nhà * Phá tường * Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cưới * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Cưới hỏi * May quần áo cưới * Động thổ xây dựng xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết giao dịch * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc	Hắc đạo		

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÌNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/5	5/7	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Nhận tiền của * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
22/5 Hoàng đạo	6/7	* Đám tang, cải táng * Làm nhà * Mở cửa hàng, cửa hiệu * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Làm bếp * Di chuyển đến nơi ở mới * Đánh cá, đi thuyền * Ủ men ngâm rượu * Cưới gả
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÍNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/5 Hắc đạo	7/7	* Dựng cột, gác xà * Thu nạp người * Mời thầy chữa bệnh * Lắp hàng hố * Vét ao bắt cá	* Cưới gả * An táng, cải táng * Làm nhà * Làm bếp * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Dần, bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
24/5 Hoàng đạo	8/7	* Cúng tế * Nhập học * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Đặt khung cửa * Ủ men ngâm rượu * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Khơi mương * Đào giếng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÍNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/5	9/7	* Cúng tế * Nhận tiền của * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
26/5 Hắc đạo	10/7	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Làm chuồng trại, mua gia súc * May quần áo cưới	* Cưới gả * An táng, cải táng * Làm nhà * Làm bếp * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÌNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/5	11/7	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Phá tường	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Nhận chức * Cưới hỏi * Động thổ xây dựng xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bình Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
28/5 Hắc đạo	12/7	* Thu nạp người * Di chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột, gác xà * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc * Khởi mương, đào giếng	* Cưới gả * An táng, cải táng * Làm nhà * Làm bếp * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG NĂM (thiếu) BÌNH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/5 Hoàng đạo	13/7	* Nhập trạch * An táng, cải táng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây, lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Kê giường cưới * Châm cứu * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính tý * Sao: Quý (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đu) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/6 Hắc đạo	14/7	* Di chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột gác xà * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Mở kho xuất tiền hàng * Lắp hàng hố	* Cưới gả * Làm nhà * Đánh cá, đi thuyền * Mời thầy chữa bệnh * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Liều (cát tinh) * Trục: Mão * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
2/6 Hoàng đạo	15/7	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Nhận chức * Tiếp xúc dân * Mời thầy chữa bệnh * Xây dựng, dựng nhà * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Cưới gả
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đủ) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/6 Hoàng đạo	16/7	* Xuất hàng * Thu nạp người làm * Tu tạo, động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Khai trương cửa hàng * Tiếp xúc dân * Mở kho, xuất tiền hàng * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * An táng, cải táng
4/6 Hoàng đạo	17/7	* Cưới gả * Thu nạp người * Tu tạo, động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Lập ước giao dịch * Mở kho xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới * Khơi mương * Đào giếng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Đinh * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Dực (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tý, Bính Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đủ) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/6 Hắc đạo	18/7	* Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Vét ao bắt cá	* Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
6/6	19/7	* Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Nhận tiền của * Ký kết giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đu) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/6 Hoàng đạo	20/7	* Nhập trạch * Tạo tác * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Cưới gả * Xuất hành đi xa	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Di chuyển đến nơi ở mới * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Khơi mương * Đào giếng
8/6 Hắc đạo	21/7	* Cầu phúc, cầu tự, cúng tế * Dựng cột, gác xà * Đuổi bắt * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Nhận người làm việc * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Sửa kho	* Cưới hỏi * Làm nhà * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Thanh * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Đông – Nam			
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính thìn * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đủ) ĐINH MÙI

Ngày		* Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/6	22/7	* May quần áo cưới * Đắp đê chống lụt * Lắp hàng hố * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
10/6	23/7	* Săn bắt muông thú * Ủ men làm rượu, giấm * Đi tàu qua sông, qua biển	* Động Thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đủ) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/6 Hắc đạo	24/7	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Tiếp xúc dân * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cưới hỏi * Làm nhà * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
12/6	25/7	* Di chuyển đến nơi ở mới * Nhận tiền của * Phá thổ, an táng, cải táng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Hội họp, tiếp xúc dân * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đủ) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/6 Hắc đạo	26/7	* Lập ước giao dịch * Lắp hàng hố * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ	* Cưới hỏi * Mời thầy chữa bệnh * Làm nhà * Làm bếp * An táng, cải táng * Động thổ xây dựng * Di chuyển đến nơi ở mới
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Mão * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng tài thần: Chính Đông			
14/6 Hoàng đạo	27/7	* Nộp đơn, hội họp * Nhận chức, tiếp xúc dân * Ký kết giao dịch * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cúng tế * Khởi mương * Đào giếng * Săn bắt muông thú * Đi thuyền * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đủ) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/6 Hoàng đạo	28/7	* Xuất hàng * Thu nạp người làm * Tu tạo động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc * Cưới gả	* Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Đinh * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
16/6 Hoàng đạo	29/7	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Nhâm chức * Cưới hỏi * May quần áo cưới * Động thổ xây dựng xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Mở kho, xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đủ) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/6 Hắc đạo	30/7	* Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Ủ men làm rượu, giấm	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Đi xa trở về * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Đông – Nam			
18/6	31/7	* Khai trương cửa hàng * Lập ước giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Xuất hành đi xa * Tu tạo, động thổ * Dựng cột, gác xà	* Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đủ) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/6 Hoàng đạo	1/8	* Nhập trạch * Tảo tác * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Cưới gả, ăn hỏi * Xuất hành đi xa * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Mời thầy chữa bệnh * Đi xa trở về * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
20/6 Hắc đạo	2/8	* Cúng tế, cầu phúc * Giao dịch * An táng, cải táng * Hội họp, nhập học * May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của	* Xuất hành đi xa * Nhận chức * Cưới gả * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Châm cứu * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đu) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/6	3/8	* Cầu phúc, cầu tự * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Đi xa trở về * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Tỵ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
22/6	4/8	* Cúng tế * Nhập học * Chặt cây lấy gỗ * Đi xa trở về * Đặt khung cử * Săn bắt muông thú	* Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Đánh cá, đi thuyền * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đủ) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/6 Hắc đạo * Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng tài thần: Chính Đông	5/8	* Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Lấp hang hố * May quần áo cưới * Vét ao bắt cá * Chặt cây lấy gỗ	* Cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng
24/6 * Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam	6/8	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp, nhập học * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới * Dựng nhà * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng	* Động thổ xây dựng xây dựng * Khởi mương, đào giếng * Dỡ nhà, phá tường * Phá thổ, an táng * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đủ) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/6 Hắc đạo	7/8	* Cúng tế * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Đi xa trở về	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
26/6 Hoàng đạo	8/8	* Nộp đơn, hội họp * May quần áo cưới * Lắp hàng hố * Đắp đê * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Cưới gả * Khai trương cửa hàng	* Cúng tế * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đu) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/6 Hoàng đạo	9/8	* Xuất hàng * Thu nạp người * Dựng cột, gác xà * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
28/6 Hoàng đạo	10/8	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, cải táng * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng	* Săn bắt muông thú * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Đi thuyền, đánh cá * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Đinh * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG SÁU (đủ) ĐINH MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/6 Hắc đạo	11/8	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lắp hàng hồ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Liếu (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
30/6	12/8	* Lập ước giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Chặt cây lấy gỗ	* Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/7 Hắc đạo	13/8	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Lấp hang hố	* Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
2/7	14/8	* Xuất hành đi xa * Ký kết giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Đi xa trở về * Cưới gả
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/7 Hoàng đạo * Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Đông	15/8	* Dựng cột, gác xà * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Đuổi bắt * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
4/7 Hắc đạo * Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Đông	16/8	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Vét ao bắt cá * Lắp hang hố	* Cưới hỏi * Làm nhà * Làm bếp * Mời thầy chữa bệnh * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Mời họ

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/7 Hoàng đạo	17/8	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Sửa chữa * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Cưới hỏi * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Dựng nhà * Sửa kho * Ký kết giao dịch
6/7	18/8	* Cưới gả * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Mở kho xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng	* Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Khởi mương, đào giếng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/7 Hắc đạo	19/8	* Dựng cột, gác xà * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * An táng, cải táng * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú	* Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm nhà * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Đánh cá, đi thuyền.
8/7	20/8	* Nộp đơn, hội họp * May quần áo cưới * Lắp hàng hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế * Nhận chúc * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/7 Hắc đạo	21/8	* Ủ men làm rượu, giấm * Chặt cây lấy gỗ * Phá bỏ nhà cũ, tường bao * Săn bắt muông thú	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Tỵ, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
10/7 Hoàng đạo	22/8	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Khởi công xây dựng * Thu nạp người * Di chuyển đến nơi ở mới * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Săn bắt muông thú * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Cưới gả
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/7 Hoàng đạo	23/8	* Hội họp * Nhận người * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi * Làm nhà * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
12/7	24/8	* Vết ao bắt cá * Đặt khung cửi * Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/7 Hắc đạo	25/8	* Cúng tế * May quần áo cưới * Khơi mương * Đào giếng * Vét ao bắt cá * Chặt cây lấy gỗ * Phá thổ, an táng, cải táng	* Làm nhà * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Nhập trạch
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
14/7	26/8	* Khai trương cửa hàng * Tu tạo, động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Nộp đơn * Mời thầy chữa bệnh * Khơi mương, đào giếng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/7 Hoàng đạo	27/8	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột gác xà * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Đuổi bắt * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng * Đình hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
16/7 Hắc đạo	28/8	* Lắp hàng hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Đi xa trở về * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/7 Hoàng đạo	29/8	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Nhận chức * Tiếp xúc dân * Nhận tiền của * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ * Phá thổ, an táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm nhà * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khởi mương * Đào giếng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
18/7	30/8	* May quần áo * Nhận tiền của * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Khởi mương, đào giếng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/7 Hắc đạo	31/8	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Đi khơi	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
20/7	1/9	* Thu nạp người * Di chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột gác xà * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Xuất tiền hàng * Lắp hàng hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Hội họp * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh T y * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/7 Hắc đạo	2/9	* Cúng tế * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * May quần áo cưới * Lắp hàng hố * Nhận tiền của	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng tài thần: Chính Bắc			
22/7 Hoàng đạo	3/9	* Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * Săn bắt muông thú * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/7 Hoàng đạo	4/9	* Hội họp * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Sửa kho * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng xây dựng * Dựng nhà * Khai trương cửa hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc
24/7	5/9	* An táng * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất; Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/7 Hắc đạo	6/9	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Chặt cây lấy gỗ * Phá bỏ nhà cũ * Diệt trừ các loại sâu bọ phá hoại hoa màu	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng tài thần: Chính Nam			
26/7	7/9	* Lợp nóc nhà * Trát vữa, quét vôi nhà * Ủ men, ngâm rượu, giấm * Chặt cây lấy gỗ	* Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/7 Hoàng đạo	8/9	* Tu tạo, động thổ * Dựng cột, gác xà * Cưới hỏi * Khai trương cửa hàng * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Đuổi bắt * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Liểu (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Đông – Nam			
28/7 Hắc đạo	9/9	* Diệt trừ các loại sâu bọ phá hoại hoa màu * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Chặt cây lấy gỗ	* Cầu phúc, cầu tự * Cưới hỏi * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG BẢY (thiếu) MẬU THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/7 Hoàng đạo	10/9	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Nhận chức * Tiếp xúc dân * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Dựng nhà * Làm chuồng trại, mua gia súc * Cưới gả	* Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng xây dựng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Đi thuyền, đánh cá * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (đủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/8 Hắc đạo	11/9	* May quần áo cưới * Sửa kho * Nhận tiền của * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Cưới hỏi * Làm nhà, làm bếp * Châm cứu * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
2/8 Hoàng đạo	12/9	* Cúng tế * Nộp đơn * Hội họp * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Phá bỏ nhà cũ, tường bao * Diệt trừ các loại sâu bọ phá hoại hoa màu	* Cưới hỏi * Làm nhà * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Dực (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (đủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/8	13/9	* Nhận tiền của * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Châm cứu * Săn bắt muông thú
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
4/8	14/9	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * May quần áo cưới * Lắp hàng hố	* Cưới hỏi * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (đủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/8 Hoàng đạo	15/9	* Sửa tường * Sửa đường * Chặt cây lấy gỗ * Ủ men, ngâm rượu, giấm	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Tiếp xúc dân * Cưới hỏi * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tý, Bính Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
6/8 Hắc đạo	16/9	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (đủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/8 Hoàng đạo	17/9	* Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Săn bắt muông thú * Đi tàu qua trên sông, qua biển * Chặt cây lấy gỗ	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
8/8 Hoàng đạo	18/9	* Cúng tế * May quần áo cưới * Lấp hang hố * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Vét ao bắt cá	* Nhập trạch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm nhà, làm bếp * Động thổ xây dựng xây dựng * Ký kết, giao dịch * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI

THÁNG TÁM (đủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/8	19/9	* Đắp đê phòng lụt * Làm chuồng trại, mua gia súc * Khơi mương, đào giếng * Mời thầy chữa bệnh	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
10/8 Hắc đạo	20/9	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Nhận chức, tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng * Làm nhà * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Thánh * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (đủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/8	21/9	* Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Đi tàu qua sông, qua biển * Vét ao bắt cá	* Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Ngưu (hung tính) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
12/8	22/9	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Nộp đơn, hội họp * Nhập học * Di chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Dựng nhà * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cưới hỏi * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nữ (cát tính) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (đu) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/8 Hắc đạo	23/9	* Nộp đơn, nhập học * Cúng tế * May quần áo cưới * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Canh Dần, Nhâm Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
14/8 Hoàng đạo	24/9	* Cúng tế * May quần áo cưới * Lắp hàng hố * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Phá thổ, an táng	* Hội họp * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (dủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/8	25/9	* Động thổ xây dựng * Xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Mời thầy chữa bệnh * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở kho, xuất tiền hàng	* Đắp đê * Phòng lụt * Sửa kho * Khơi mương * Đào giếng * Sửa đường * Dỡ nhà * Phá tường * Phá thổ, an táng
16/8 Hoàng đạo	26/9	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng	* Nộp đơn * Mời thầy chữa bệnh, * Mở kho, xuất tiền hàng * Khơi mương * Đào giếng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Thất(cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (đu) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/8	27/9	* Chặt cây lấy gỗ * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
18/8	28/9	* Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột, gác xà * Lập ước, giao dịch * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đinh hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm nhà, làm bếp * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (đủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/8 Hoàng đạo	29/9	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lắp hàng hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
20/8 Hoàng đạo	30/9	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp * Đình hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Săn bắt muông thú * Mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng * Động thổ xây dựng	* Sửa kho * Ký kết giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Khơi mương * Đào giếng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (đủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/8	1/10	* Đinh hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Lấp hang hố
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
22/8 Hắc đạo	2/10	* Cúng tế * Săn bắt muông thú * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Chặt cây làm gỗ * Ủ men làm rượu, giấm	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Đinh hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm nhà
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (đủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/8	3/10	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng	* Lợp nóc nhà * Đi tàu qua sông, qua biển * Phá bỏ nhà cũ, tường bao
24/8	4/10	* Cúng tế * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * An táng, cải táng * Chặt cây lấy gỗ * Phá bỏ nhà cũ, tường bao	* Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khởi mương * Đào giếng * Săn bắt muông thú * Đánh cá đi thuyền * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (đủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/8 Hắc đạo	5/10	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Tiếp xúc dân * Di chuyển đến nơi ở mới * Nhận tiền của * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
26/8 Hoàng đạo	6/10	* May quần áo cưới * Lắp hàng hó * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Mở cửa hàng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch	* Cầu phúc, cầu tự * Cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI

THÁNG TÁM (đủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/8	7/10	* Diệt trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
28/8	8/10	* Khởi công * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng.	* Đi tàu qua sông, qua biển * Săn bắt muông thú
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG TÁM (đủ) KỶ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/8	9/10	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Dựng cột gác xà * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Mời thầy chữa bệnh
30/8 Hắc đạo	10/10	* Dựng cột, gác xà * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Nộp đơn, hội họp * Thu nạp người * Ủ men ngâm rượu, giấm	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm nhà * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Dực (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đu) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/9	11/10	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Đi xa trở về * May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
2/9	12/10	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp * Nhận người * Săn bắt muông thú * An táng, cải táng * Mua gia súc	* Sửa kho * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/9 Hoàng đạo	13/10	* Dỡ nhà * Phá tường * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
4/9 Hoàng đạo	14/10	* Dựng cột, gác xà * Làm chuồng trại, mua gia súc * Dựng nhà * Săn bắt muông thú	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/9	15/10	* Cầu phúc, cầu tự * Nhập học * Tiếp xúc dân * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng	* Lợp mái nhà * Khởi mương * Đào giếng * Nhập trạch * Cưới gả * Xuất hành đi xa
6/9 Hắc đạo	16/10	* Cúng tế * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Xuất hành đi xa * Nhập trạch * An táng, cải táng * Khai trương cửa hàng * Cưới hỏi * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Mua gia súc * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/9	17/10	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Diệt trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Vét ao bắt cá * Mở kho, xuất tiền hàng	* Hội họp * Cưới hỏi * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
8/9 Hoàng đạo	18/10	* Lắp hàng hố * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * An táng, cải táng * Chặt cây lấy gỗ	* Cưới hỏi * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tái thần: Đông – Nam			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đù) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/9 Hắc đạo	19/10	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Nhận chức * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Săn bắt muông thú * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, cưới gả * Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
10/9 Hoàng đạo	20/10	* Khởi tạo * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Ký kết, giao dịch * Đi xa trở về * Phá thổ, an táng	* Mời thầy chữa bệnh * Chuyển đến nơi ở mới * Dỡ nhà * Phá tường * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Tị, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/9	21/10	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Đi xa trở về
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
12/9 Hắc đạo	22/10	* Vét ao bắt cá * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/9	23/10	* Nộp đơn, hội họp * Cưới hỏi * Ký kết giao dịch * Xuất hành đi xa * Nhận chức * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Sân bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
14/9 Hắc đạo	11/10	* Hội họp * Nhận chức * Tiếp xúc dân * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Dựng nhà * Sửa kho * Ký kết giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/9 Hoàng đạo	25/10	* Nộp đơn * May quần áo * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Săn bắt muông thú	* Xuất hành đi xa * Nhậm chức * Cưới hỏi * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
16/9 Hoàng đạo	26/10	* Cưới gả * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Mời thầy chữa bệnh * Dỡ nhà * Phá tường	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/9	27/10	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Vét ao bắt cá * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
18/9 Hắc đạo	28/10	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Nhân chức * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Dựng nhà * Sửa kho * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/9	29/10	* Xuất hành đi xa * Nhận tiền của * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lắp hàng hố * Cưới gả
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: KHai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
20/9	30/10	* Cúng tế * Nhập học * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng * Ký kết, giao dịch	* Hội họp * Mời thầy chữa bệnh * Xuất hành đi xa * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/9 Hắc đạo	31/10	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Đi xa trở về * May quần áo cưới * Lắp hàng hố * Đi khơi đánh cá	* Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
22/9 Hoàng đạo	1/11	* Cúng tế * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Mở cửa hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/9	2/11	* Vét ao bắt cá * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
24/9 Hắc đạo	3/11	* Cúng tế * Lấp hang hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Đi khơi * Đánh cá, đi thuyền	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/9	4/11	* Vét ao bắt cá * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Xuất hành đi xa
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Đinh * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bình Dần, Bình Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
26/9	5/11	* Hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cưới hỏi * Động thổ xây dựng xây dựng * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Chập * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/9 Hoàng đạo	6/11	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Hội họp * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Khơi mương * Đào giếng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
28/9 Hoàng đạo	7/11	* Cúng tế * Tiếp xúc dân * Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá * Săn bắt muông thú	* Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Cưới gả * Nhập trạch * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG CHÍN (đủ) CANH TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/9	8/11	* Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Săn bắt muông thú * Sửa đường	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Mở cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
30/9 Hắc đạo	9/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Đi xa trở về * Lắp hàng hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Cưới gả * Mở kho, xuất tiền hàng * Xuất hành đi xa * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: cang (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI (đu) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/10	10/11	* Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Săn bắt muông thú	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Cưới hỏi * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
2/10 Hắc đạo	11/11	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Mở kho xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỖI (đu) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/10	12/11	* Cúng tế * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng	* Cưới hỏi * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
4/10 Hoàng đạo	13/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ * Nhận tiền của	* Cầu phúc, cầu tự * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/10 Hắc đạo	14/11	* Vét ao bắt cá * Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bình Tý, Bình Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
6/10 Hoàng đạo	15/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ	* Cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI

THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/10	16/11	* Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân, nhậm chức * Chuyển đến nơi ở mới * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhập trạch * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng
8/10 Hắc đạo	17/11	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nhận tiền của * Chuyển đến nơi ở mới * Nhận người * May quần áo cưới * An táng, cải táng	* cưới gả * Làm nhà * Động thổ, xây dựng * Ký kết, giao dịch * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/10	18/11	* Nộp đơn * Phá thổ, an táng * Mời thầy chữa bệnh * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Săn bắt muông thú * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Sửa tường * Sửa đường * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
10/10 Hắc đạo	19/11	* Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/10 Hoàng đạo	20/11	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cưới gả * Động thổ, xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đi thuyền, đánh cá
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Bắc			
12/10 Hoàng đạo	21/11	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Động thổ, xây dựng * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng	* Nộp đơn * Nhận chức * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tái thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/10	22/11	* Hội họp * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền * Mời thầy chữa bệnh * Nhập trạch	* Dựng nhà * Sửa kho * Đi thuyền, đánh cá * Gieo trồng rau, cây ăn quả * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
14/10 Hắc đạo	23/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Săn bắt muông thú * Nộp đơn, hội họp * May quần áo cưới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/10	24/11	* Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá * Săn bắt muông thú	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			
16/10 Hoàng đạo	25/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Cúng tế * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Mời thầy chữa bệnh	* Động thổ, xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng * Lấp hang hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/10 Hắc đạo	26/11	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Sửa kho. * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả * Nhập trạch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng tài thần: Đông-Nam			
18/10 Hoàng đạo	27/11	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Dựng cột, gác xà * Mở cửa hàng	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Ký kết giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI

THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/10	28/11	* Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Dựng nhà * Sửa kho * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng * Mời thầy chữa bệnh	* Phá bỏ nhà cũ, tường bao * Lợp nóc nhà trát vữa
20/10 Hắc đạo	29/11	* Cúng tế * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận tiền của * Dỡ nhà, phá tường * Sân bắt, đánh cá * An táng, cải táng	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Đinh * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/10	30/11	* Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Chập * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
22/10 Hắc đạo	1/12	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cưới * Lắp hàng hố * Đi khơi đánh cá	* Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/10 Hoàng đạo	2/12	* An táng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Nạp tài * Đánh cá, đi thuyền * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
24/10 Hoàng đạo	3/12	* Động thổ xây dựng * Cưới hỏi * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng	* Lợp nóc nhà * Đặt bếp
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/10	4/12	* Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Đi xa trở về * Phá thổ, an táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
26/10 Hắc đạo	5/12	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Săn bắt muông thú * Nộp đơn, hội họp * Nhận tiền của	* Cầu phúc, cầu tự * Cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiến hàng * Đánh cá, đi thuyền * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/10	6/12	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nhập học * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ	* Động thổ, xây dựng * Mai táng, cải táng * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
28/10 Hoàng đạo	7/12	* May quần áo cưới * Nhận tiền của * Lập hàng hố * An táng, cải táng * Cưới gả * Xuất hành đi xa	* Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI (đủ) TÂN HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/10 Hắc đạo	8/12	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Lắp hàng hố * Nhận tiền của * Đi xa trở về	* Xuất hành đi xa * Mở cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
30/10 Hoàng đạo	9/12	* Cúng tế * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Chặt cây lấy gỗ	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Dựng nhà * Cưới hỏi
* Thứ: Chủ nhật * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỖI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/11 Hắc đạo	10/12	* Nộp đơn * Hội họp * Nhận người * May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * An táng, cải táng	* Cúng tế * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
2/11 Hoàng đạo	11/12	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Vét ao bắt cá * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ	* Cưới hỏi * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/11	11/12	* Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Nhận tiền của * Mua gia súc * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
4/11 Hắc đạo	13/12	* Săn bắt muông thú * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/11 Hắc đạo	14/12	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Vét ao bắt cá	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
6/11 Hắc đạo	15/12	* Cúng tế * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Lắp hàng hồ	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Cưới gả
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/11 Hoàng đạo	16/12	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nhập học * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Nhập trạch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng	* Sửa kho * Khơi mương, đào giếng * Sửa đường * Sửa tường * Đánh cá, đi thuyền * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
8/11 Hoàng đạo	17/12	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Nhận tiền của * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú	* Cưới gả * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Ký kết giao dịch
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Ất Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/11	18/12	* Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * May quần áo cưới * Mời thầy chữa bệnh	* Ký kết giao dịch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở kho, xuất tiền hàng * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
10/11 Hắc đạo	19/12	* Cúng tế * Nhập học * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Lấp hang hố	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Đính hôn, cưới gả * Làm nhà * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Tị, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/11	20/12	* Nộp đơn, hội họp * May quần áo cưới * Nhận người * Nhận tiền hàng * Sửa đường * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
12/11	21/12	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* May quần áo cưới * Phá tường * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc	Hoàng đạo		

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỖI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/11 Hắc đạo	22/12	* Nộp đơn, hội họp * Nhậm chức * Nhận người * Săn bắt muông thú	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
14/11 Hoàng đạo	23/12	* May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * An táng, cải táng * Động thổ xây dựng	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/11	24/12	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Nhập trạch * An táng, cải táng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Khơi mương, đào giếng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
16/11 Hắc đạo	25/12	* Hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Chặt cây lấy gỗ	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Làm nhà, làm bếp * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tỵ * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/11	262	* Xuất hành đi xa * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Đi xa trở về * Phá thổ, an táng, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Lắp hang hố
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
18/11	272	* Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá * Chặt cây lấy gỗ	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng
Hắc đạo			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỖI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/11 Hoàng đạo	28/12	* Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
20/11 Hoàng đạo	29/12	* Mai táng, cải táng * Nộp đơn, nhập học * Mời thầy chữa bệnh * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Ký kết, giao dịch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả	* Động thổ xây dựng * Làm nhà * Mua gia súc * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/11	30/12	* Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
22/11	31/12	* Cúng tế * Hội họp * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * Đi xa trở về * May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Đính hôn, cưới gả * Động thổ xây dựng * Nhập trạch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/11	1/1/2008	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch	* Làm nhà * Động thổ xây dựng * Đi thuyền, đánh cá * Cưới gả
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Dực (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
24/11 Hoàng đạo	2/1/2008	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp * May quần áo cưới * Dựng nhà * Nhận tiền của * An táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chẩn (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/11 Hắc đạo	3/1/2008	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Ủ men làm rượu, giấm	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, cưới gả * Làm nhà * Khai trương cửa hàng cửa hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Mão * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
26/11 Hoàng đạo	4/1/2008	* May quần áo cưới * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng	* Cầu phúc, cầu tự * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/11	5/1/2008	* Đinh hôn, cưới gả * Tu tạo, động thổ, xây dựng * Dựng cột, gác xà * Nhập trạch * An táng, cải táng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Nhận tiền của	* Cúng tế * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc * Chặt cây lấy gỗ
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
28/11 Hắc đạo	6/1/2008	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Nhận người * May quần áo cưới * Dựng nhà * Nhận tiền của	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Đánh cá, đi thuyền * Phá thổ, an táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI MỘT (thiếu) NHÂM TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/11	7/1/2008	* Nhận tiền của * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng cửa hàng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI HAI (đu) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/12 Hắc đạo	8/1/2008	* Cúng tế * Nộp đơn, hội họp * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Ký kết giao dịch * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Nhập trạch
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vũ Hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
2/12	9/1/2008	* Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Chặt cây lấy gỗ	* Cầu phúc, cầu tự * Đình hôn, ăn hỏi cưới gả * Mở cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI HAI (đủ) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/12 Hắc đạo	10/1/2008	* Nộp đơn * Nhận người * May quần áo cưới * Nhận tiền của * An táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Làm nhà * Mở cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
4/12 Hoàng đạo	11/1/2008	* Cúng tế * Lắp hàng hố * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Đinh hôn, cưới gả * Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI HAI (đu) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/12 Hoàng đạo	12/1/2008	* Cúng tế, cầu phúc * Phá thổ, an táng, cải táng * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng	* Đính hôn, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
6/12 Hoàng đạo	13/1/2008	* Cưới gả * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Xuất hành đi xa	* Động thổ xây dựng * Phá bỏ nhà cũ, tường bao
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tý, Bính Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI HAI (đủ) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/12 Hắc đạo	14/1/2008	* Vét ao bắt cá * Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
8/12	15/1/2008	* Động thổ, xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Cưới gả * An táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Xuất hành đi xa	* Cầu phúc, cầu tự * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI HAI (đu) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/12 Hoàng đạo	16/1/2008	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Cưới gả * Làm chuồng trại, mua gia súc * Cải táng, an táng * Mời thầy chữa bệnh	* Diệt trừ các loại sâu bọ phá hoại hoa màu * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Đông – Nam			
10/12 Hắc đạo	17/1/2008	* Cúng tế * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận tiền của * Săn bắt muông thú * Đặt khung cửi	* Khai trương cửa hàng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Làm nhà * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MƯỜI HAI (đủ) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/12	18/1/2008	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Dựng cột, gác xà * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Đi xa trở về * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Cưới gả
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
12/12	19/1/2008	* Nộp đơn, hội họp * May quần áo cưới * Dựng nhà * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Làm nhà * Cưới hỏi * Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI HAI (đu) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/12 Hắc đạo	20/1/2008	* Cúng tế * Đánh cá, đi thuyền * May quần áo cưới * Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm T ý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
14/12	21/1/2008	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * An táng, cải táng	* Nhập trạch * Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Thu nạp người làm
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỖI HAI (đủ) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/12 Hắc đạo	22/1/2008	* Cúng tế cầu phúc * Thu nạp người * Dựng cột, gác xà * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Làm nhà * Cưới gả * Cải táng, an táng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
16/12 Hoàng đạo	23/1/2008	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Nhập học * Dựng nhà * Nhận tiền của * An táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI HAI (đủ) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/12 Hoàng đạo	24/1/2008	* Cúng tế, cầu phúc * Lắp hàng hố * Nhập trạch * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Mời thầy chữa bệnh * Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
18/12 Hoàng đạo	25/1/2008	* Cúng tế * Nhập học * Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỖI HAI (đủ) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/12 Hắc đạo	26/1/2008	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cưới * Nhận tiền của	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Phả thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Liêu (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Đông – Nam			
20/12	27/1/2008	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá * Đi xa trở về * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở kho, xuất tiền hàng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Nhập trạch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI HAI (đu) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/12 Hoàng đạo	28/1/2008	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * May quần áo cưới * Dựng nhà * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Khai trương cửa hàng	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Đi tàu qua sông, qua biển
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Mão * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
22/12 Hắc đạo	29/1/2008	* Lắp hàng hố * Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cô dâu * Đi khơi đánh cá	* Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Đông - Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI HAI (đủ) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/12	30/1/2008	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Dựng nhà * Nhận tiền của	* Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Đính hôn, cưới gả * Mở cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Tỵ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chẩn (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Quý Tỵ, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
24/12	31/1/2008	* Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Vét ao bắt cá * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Sửa tường * Sửa đường * Dỡ nhà * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỖI HAI (đủ) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/12 Hắc đạo	1/2/2008	* Cúng tế * Hội họp * Nhận người * Nhận tiền của * Chặt cây lấy gỗ * Sân bắt muông thú	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Làm nhà * Mở cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
26/12	2/2/2008	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * An táng, cải táng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả	* Cúng tế, cầu phụ * Dỡ nhà, phá tường * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỖI HAI (đủ) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/12 Hắc đạo	3/2/2008	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * An táng, cải táng * Thu nạp người * Dựng cột, gác xà	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng tài thần: Chính Nam			
28/12 Hoàng đạo	4/1/2008	* Cúng tế cầu phúc * Nộp đơn * May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của	* Cưới gả * Động thổ, xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2007 ĐINH HỢI
THÁNG MUỐI HAI (đủ) QUÝ SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/12 Hoàng đạo	5/2/2008	* Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Chặt cây lấy gỗ	* Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
30/12 Hoàng đạo	6/2/2008	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Nhập học * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

PHẦN II

**XEM NGÀY TỐT XẤU
THEO LỊCH DÂN GIAN NĂM 2008**

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/1 Hoàng đạo	7/2	* Xuất hành đi xa * Mở cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng	* Hôn nhân, cưới gả * Động thổ xây dựng * Nhập trạch * Phá bỏ nhà cũ, tường bao
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
2/1	8/2	* Hội họp * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Lập ước giao dịch * Chặt cây lấy gỗ	* Cúng tế * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng * Đính hôn, ăn hỏi, Cưới gả
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/1 Hắc đạo	9/2	* Hội họp * An táng, cải táng * Dựng cột, gác xà * Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá * Phá bỏ nhà cũ, tường bao	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
4/1	10/2	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn * Hội họp * May quần áo cô dâu * Cưới gả * Khai trương cửa hàng	* Nhậm chức * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/1 Hoàng Đạo	11/2	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Sửa đường * Nhận tiền của * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Phá thổ, an táng	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
6/1	12/2	* Cúng tế, cầu tự * Động thổ xây dựng * Gác xà * An táng, cải táng * Chuyển bếp * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng	* Mời thầy chữa bệnh * Đào giếng * Săn bắt muông thú * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/1 Hoàng Đạo	13/2	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp * Nhận người * May quần áo có dàu * Nhận tiền của * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mở cửa hàng * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
8/1	14/2	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa * Dựng cột, gác xà * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đi xa trở về * May quần áo có dàu * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/1 Hắc đạo	15/2	* Lắp hàng hố * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ * Phá thổ, an táng	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
10/1	16/2	* Thu nạp người * Nhập học * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * An táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Nộp đơn * Đính hôn, cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/1 Hắc đạo	17/2	* Thu nạp người * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Đuổi bắt, đánh cá * Dựng cột, gác xà * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhận tiền của	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Phá thổ, cải táng * Đi xa trở về
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Tị, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
12/1 Hoàng Đạo	18/2	* Nhập học * Ăn hỏi, cưới gả * Di chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * An táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/1 Hoàng Đạo	19/2	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Nhập học * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhận tiền của * Phá thổ, an táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Đánh cá, đi thuyền * Làm chuồng trại, mua gia súc
14/1	20/2	* Ký kết, giao dịch * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, cải táng * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng * Nhận người
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/1 Hắc đạo	21/2	* Cúng tế * Hội họp * Nhậm chức * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão - Ngo, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
16/1	22/2	* Thu nạp người * Di chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tuất, Bình Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/1 Hoàng Đạo	23/2	* Cúng tế, cầu phúc * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ * Đi xa trở về	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: - Đinh Hợi, Quý Hợi, Quý Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
18/1 Hắc Đạo	24/2	* Cúng tế, cầu tự * An táng, cải táng * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Diệt trừ các loại sâu bọ phá hoại hoa màu	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/1 Hoàng đạo	25/2	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Nhận tiền của * May quần áo cưới * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, cải táng	* Khởi công xây dựng * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
20/1	26/2	* Cúng tế, cầu tự * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Nhập trạch * Mời thầy chữa bệnh	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/1 Hắc đạo	27/2	* Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * May quần áo cô dâu * Đi xa trở về * Nhận tiền của	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
22/1	28/2	* Xuất hành đi xa * Làm chuồng trại, mua gia súc * Dựng cột, gác xà * Nhập học * Ký kết, giao dịch	* Nhập trạch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khởi tạo * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/1 Hắc đạo	29/2	* Thu nạp người * Di chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Đuổi bắt * Đánh cá, đi thuyền * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở kho, xuất tiền hàng	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Tỵ, Quý Tỵ, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
24/1 Hoàng Đạo	1/3	* An táng, cải táng * Nhập học * Ăn hỏi, cưới gả * Di chuyển đến nơi ở mới * Tu tạo, động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Hội họp * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/1 Hoàng Đạo	2/3	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp * Nhập học * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, cưới gả * Nhận người * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
26/1	3/3	* Hội họp * An táng, cải táng * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc * Xuất hành đi xa * Nhận người * Đi xa trở về * Khai trương cửa hàng * Mở kho, xuất tiến hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Dựng cột, gác xà
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/1 Hắc đạo	4/3	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Khơi mương	* Động thổ xây dựng * Cưới hỏi * Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
28/1	5/3	* Trừ sâu bệnh phá hoại hoa màu * Chặt cây lấy gỗ * Nhập học * Đắp đê phòng lụt * Đốt lò	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG GIÊNG (đủ) GIÁP DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/1 Hoàng Đạo	6/3	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Mão * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
30/1 Hắc Đạo	7/3	* Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Cưới hỏi * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ sáu * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Bính * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây- Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/2	8/3	* Đính hôn, Cưới gả * Thu nạp người * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Hạp mặt * Chuyển đến nơi ở mới * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
2/2 Hắc Đạo	9/3	* Nộp đơn, hội họp * May quần áo cô dâu * Lấp ao hồ * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở cửa hàng * Làm nhà * Nhập trạch
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn,, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/2 Hoàng Đạo	10/3	* Cúng tế, cầu phúc * Nhận người * Làm chuồng trại, mua gia súc * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nguy (hung tính) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
4/2	11/3	* Lấp ao hồ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đi khơi, đánh cá * Nhận tiền của * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Phá thổ, an táng, cải táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Thất (cát tính) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/2 Hoàng Đạo	12/3	* Khai trương cửa hàng * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Xuất hành đi xa * May quần áo cô dâu * Lợp mái nhà	* Cưới hỏi * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
6/2	13/3	* Sửa kho * Cưới hỏi * Đi xa trở về * Lấp hang hố * An táng, cải táng	* Đi khơi * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tý, Bính Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/2 Hắc Đạo	14/3	* Nhận người * Nhận tiền của * Mua gia súc	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu - Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
8/2 Hoàng Đạo	15/3	* Phá thổ, an táng, cải táng * Nộp đơn * Hội họp * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Chuyển đến nơi ở mới	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở kho, xuất tiền hàng * Đi thuyền, đánh cá
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/2 Hoàng Đạo	16/3	* Hội họp * Nhận chức * Nhận người * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở kho, xuất tiền hàng * An táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Đốt lò
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
10/2	17/3	* Chuyển đến nơi ở mới * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Gác xà * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/2 Hắc Đạo	18/3	* Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Hợp thân hữu * Lâm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
12/2	19/3	* Ký kết, giao dịch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Đi xa trở về * Phá thổ, an táng, cải táng * Động thổ xây dựng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Chặt cây lấy gỗ
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: , Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/2	20/3	* Thu nạp người * Hợp thân hữu * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Đốt lò * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
14/2 Hắc Đạo	21/3	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Đốt lò * Ủ men ngâm rượu, giấm * Châm cứu	* Khai trương cửa hàng * Đi xa trở về * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/2 Hoàng Đạo	22/3	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * An táng, cải táng * Mở cửa hàng	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Liêu (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
16/2	23/3	* Chặt cây lấy gỗ * Lắp hàng hố * Gieo trồng rau quả, ngũ cốc * Đặt khung cửa	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Cưới hỏi * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/2 Hoàng Đạo	24/3	* Đính hôn, ăn hỏi, Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * An táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Sửa kho * Mở kho xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			
18/2	25/3	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp, nhập học * Xuất hành đi xa * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Dựng nhà * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng, phá thổ	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tái thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/2 Hắc Đạo	26/3	* Khai mương * Đào giếng * Làm chuồng trại, mua gia súc * May quần áo cô dâu	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng * Dựng cột, gác xà
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tai thần: Đông – Nam			
20/2 Hoàng Đạo	27/3	* Nộp đơn * Hội họp * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cô dâu * Chặt cây lấy gỗ	* Đính hôn, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/2 Hoàng Đạo	28/3	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Cải táng, an táng * Khai trương cửa hàng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Đốt lò
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
22/2	29/3	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * May quần áo cô dâu * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Lấp hang hố * Lợp mái nhà, trát vữa, quét vôi nhà
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Đề (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/2 Hắc Đạo	30/3	* Chặt cây lấy gỗ * Lắp hàng hố * May quần áo cô dâu	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới hỏi. * An táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
24/2	31/3	* May quần áo cô dâu, mừng thọ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Cúng tế * Ký kết, giao dịch * Đốt lò * Trừ sâu bệnh phá hoại mùa màng	* Động thổ xây dựng * Tu tạo * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/2	1/4	* Thu nạp người * Ký kết, giao dịch * Hợp thân hữu * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng * Tu tạo * Dựng cột, gác xà
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vũ (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng tai thần: Chính Đông			
26/2 Hắc Đạo	2/4	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Chặt cây lấy gỗ	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tai thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/2 Hoàng Đạo	3/4	* Cúng tế, cầu phúc * Nhận người * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Hội họp * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, cải táng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
28/2	4/4	* May quần áo cô dâu * Chặt cây lấy gỗ * Đặt cối xay giã * Hội họp	* Cúng tế * Mời thầy chữa bệnh * Dỡ nhà * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông-Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG HAI (thiếu) ẤT MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/2 Hoàng Đạo	5/4	* Lâm chuồng trại, mua gia súc * Cúng tế	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả * Nhận người * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Tị, Kỷ Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÍNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/3	6/4	* Nhập học * Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả * Thu nạp người * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Tu tạo * Dựng cột, gác xà * Lập ước giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Phá thổ, cải táng	* Di chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Đánh cá, đi thuyền
2/3 Hắc Đạo	7/4	* Sửa kho * Đuổi bắt * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÍNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/3	8/4	* Nộp đơn, hội họp, nhập học * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Nhận tiền của * Đi xa trở về	* Cúng tế, cầu phúc * Đốt lò * An táng, cải táng
4/3 Hắc Đạo	9/4	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Dỡ nhà * Khởi mương * Đào giếng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÌNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/3 Hoàng Đạo	10/4	* Nạp tài * Cúng tế * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Mời thầy chữa bệnh * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng	* Tu tạo * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
6/3 Hoàng Đạo	11/4	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Thu nạp người * Nhận tiền của * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * An táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Đi đường sông, biển
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Dần, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÍNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/3	12/4	* Thu nạp người * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * An táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Dỡ nhà, phá tương * Phá thổ, cải táng * Mở kho, xuất tiền hàng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vị (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
8/3	13/4	* Cúng tế * Lắp hàng hố * Chặt cây lấy gỗ * Nhận tiền của * Vét ao bắt cá * Đi đò sông, biển	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÍNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/3	14/4	* Cúng tế * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Thu nạp người * Làm chuồng trại, mua gia súc * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Đi thuyền, đánh cá	* Sửa kho * Đặt khung cửi * Nhận tiền của
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
10/3	15/4	* Đính hôn, cưới gả * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Hội họp * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Tây	Hoàng Đạo		

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÌNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/3 Hắc Đạo	16/4	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Động thổ xây dựng * Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Định hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
12/3 Hoàng Đạo	17/4	* Nhập học * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Dỡ nhà * Phá tường * Định hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Tị, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÍNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/3	18/4	* Nhập học * Thu nạp người * Mở kho, xuất tiền hàng * Đuổi bắt * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Phá thổ, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Di chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Đánh cá, đi thuyền * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng
14/3 Hắc Đạo	19/4	* Cúng tế * Tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày Giáp Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÍNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/3	20/4	* Xuất hành đi xa * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Mở kho, xuất tiền hàng	* Cúng tế, cầu tự * Khơi mương * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Phá thổ * Khai trương cửa hàng
16/3 Hắc Đạo	21/4	* Cúng tế * Chặt cây lấy gỗ * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * May quần áo cô dâu * Lắp hàng hố	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tinh (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÍNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/3 Hoàng Đạo	22/4	* Cúng tế, cầu phúc * Động thổ xây dựng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mời thầy chữa bệnh * Mở cửa hàng, cửa hiệu * Mở kho, xuất tiền hàng	* Tu tạo * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * An táng, cải táng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
18/3 Hoàng Đạo	23/4	* Hội họp * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * May quần áo cô dâu, mừng thọ	* Cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÍNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/3	24/4	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Mời thầy chữa bệnh * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng	* Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Mở cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông-Nam			
20/3 Hắc Đạo	25/4	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Nhận tiền của * Lợp mái nhà * Ủ men, ngâm rượu, giấm	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông-Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÌNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/3	26/4	* Cúng tế * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Lâm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng
22/3 Hoàng Đạo	27/4	* Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Săn bắt muông thú * An táng, cải táng * Lâm chuồng trại, mua gia súc	* Nhập trạch * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Đi đường sông, biển * Ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bình Thân * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu cửa ngày: Mậu Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu cửa ngày: Canh Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÌNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/3 Hắc Đạo	28/4	* May quần áo cô dâu * Chặt cây lấy gỗ * Lắp hàng hố * Ủ men, ngâm rượu, giấm	* Cưới hỏi * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
24/3 Hoàng Đạo	29/4	* Nhập học * Di chuyển đến nơi ở mới * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Nhận tiền của * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÍNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/3	30/4	* Nhập học * Thu nạp người * Tu tạo * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Săn bắt muông thú * Phá thổ, cải táng	* Di chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Đi thuyền, đánh cá * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Cưới hỏi
26/3 Hắc Đạo	1/5	* Lắp hàng hố * Ủ men, ngâm rượu, giấm * Nhận tiền của * Chặt cây lấy gỗ	* Khai trương cửa hàng * Cưới hỏi * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÌNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/3	2/5	* Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Đào giếng	* Cúng tế * Châm cứu * Săn bắt muông thú * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
28/3	3/5	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Đi xa trở về * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Lợp mái nhà	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BA (thiếu) BÍNH THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/3 Hoàng Đạo	4/5	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * An táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TÌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/4 Hắc Đạo	5/5	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Chuyển đến nơi ở mới * Làm chuồng trại, mua gia súc * May quần áo cô dâu	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Phá thổ, cải táng * Đính hôn, cưới gả
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
2/4 Hoàng Đạo	6/5	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Nộp đơn, hội họp * Nhận tiền của * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * An táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Mở kho, xuất tiền hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/4 Hoàng Đạo	7/5	* Hội họp * Nhập học * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * An táng, cải táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhập trạch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả	* Khai trương cửa hàng * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
4/4	8/5	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/4 Hắc Đạo	9/5	* Chuyển đến nơi ở mới * Thu nạp người * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhận tiền của	* Đính hôn, cưới gả * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
6/4	10/5	* Chuyển đến nơi ở mới * Tu tạo * Săn bắt muông thú * Ủ men ngâm rượu, giấm * Phá thổ, an táng, cải táng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Dậu, Hợi, Thân * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/4 Hoàng Đạo	11/5	* Dỡ nhà * Phá tường * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
8/4 Hắc Đạo	12/5	* Chặt cây lấy gỗ * Đi xa trở về * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tý, Bính Ngọ, Nhân Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/4 Hoàng Đạo	13/5	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Nạp tài * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: chính Nam			
10/4	14/5	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm chuồng trại, mua gia súc * Dựng cột, gác xà * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Lắp hàng hố	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/4 Hắc Đạo	15/5	* Cúng lễ * Mời thầy chữa bệnh * Đi xa trở về * Nhận tiền của * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Săn bắt muông thú	* Đính hôn, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tỉnh (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
12/4	16/5	* Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cô dâu, mừng thọ	* Mở kho, xuất tiền hàng * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/4 Hắc Đạo	17/5	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Lắp hàng hố * Chặt cây lấy gỗ * Phá bỏ nhà cũ, tường bao * An táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * An táng, cải táng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Liểu (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Hợi, Đinh Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Quí Hướng Tài thần: Chính Tây			
14/4 Hoàng Đạo	18/5	* Cúng tế * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Đi xa trở về	* Đính hôn, cưới gả * Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Động thổ xây dựng * Mở cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng * Dựng nhà * Phá tường * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/4 Hoàng Đạo	19/5	* Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Dựng cột, gác xà	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Mời thầy chữa bệnh * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
16/4	20/5	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Thu nạp người * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Hội họp * Nhậm chức * Mời thầy chữa bệnh * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/4 Hắc Đạo	21/5	* Thu nạp người * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng	* Hội họp * Xuất hành đi xa * Định hôn, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chẩn (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
18/4	22/5	* Chặt cây lấy gỗ * May quần áo có đầu * Đi thuyền, đánh cá * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng	* Đi xa trở về * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/4 Hoàng Đạo	23/5	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Định hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Dựng cột, gác xà * Động thổ xây dựng	* Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
20/4 Hắc Đạo	24/5	* May quần áo cô dâu, mừng thọ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Khơi mương * Đào giếng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng	* Động thổ xây dựng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài Thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/4 Hoàng Đạo	25/5	* Cưới gả * Tu tạo * Nạp tài * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
22/4	26/5	* Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Săn bắt muông thú * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cúng tế * Đi xa trở về * Đánh cá, đi thuyền * Đính hôn, cưới gả
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/4 Hắc Đạo	27/5	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Lấp hang hố * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Nhập trạch * Đính hôn, cưới gả
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tý, Ngọ, Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
24/4	28/5	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp * Nhập học * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Nhận tiền của * Chặt cây lấy gỗ	* Đính hôn, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/4 Hắc Đạo	29/5	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Đắp đê * Nhận tiền của * Lấp hang hố * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * An táng, cải táng, cải táng * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, cưới gả
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
26/4 Hoàng Đạo	30/5	* Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở cửa hàng * Nhận tiền của * May quần áo cô dâu, mừng thọ	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Đánh cá, đi thuyền * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/4 Hoàng Đạo	31/5	* An táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Chuyển đến nơi ở mới * Cúng tế, Cầu phúc * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Dựng cột, gác xà
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Mão * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tái thần: Chính Đông			
28/4	1/6	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Xuất hành đi xa * Dựng cột, gác xà * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Mở cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Dỡ nhà * Đi khơi * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Hu (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TƯ (đủ) ĐINH TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/4 Hắc Đạo	2/6	* Sửa tường * Sửa đường * Chặt cây lấy gỗ * Nhậm chức * Tiếp xúc dân	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cô dâu * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Lâm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tý, Ngọ, Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
30/4	3/6	* Nộp đơn * Hội họp * Tiếp xúc dân * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Sửa kho * Nhận tiền của * Mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/5 Hắc Đạo	4/6	* Cúng tế * Nhận tiền của * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Khởi mương * Chặt cây lấy gỗ	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
2/5	5/6	* Cúng tế * Mở kho, xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/5 Hoàng Đạo	6/6	* Nhận tiền của * May quần áo cô dâu, mừng thọ	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
4/5 Hắc Đạo	7/6	* Dựng cột, gác xà * Thu nạp người * May quần áo cô dâu * Khởi mương * Săn bắt muông thú * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Chặt cây lấy gỗ	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/5 Hoàng Đạo	8/6	* Kỳ kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Đánh cá, đi thuyền * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
6/5	9/6	* Cúng tế * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Mời thầy chữa bệnh * Đi xa trở về * Khơi mương * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/5 Hắc Đạo	10/6	* Cúng tế, cầu phúc * Chuyển đến nơi ở mới * Làm chuồng trại, mua gia súc * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Khởi mương	* Nhận người * Sửa kho * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng * Nhận tiền của * Cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
8/5	11/6	* Cúng tế * Đi xa trở về * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Lắp hàng hố * Chặt cây lấy gỗ	* Đính hôn, cưới gả * Động thổ xây dựng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng, phả thổ * Làm nhà * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/5 Hắc Đạo * Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam	12/6	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Khởi mương * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Đính hôn, cưới gả
10/5 Hoàng Đạo * Thứ: Thứ sáu * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam	13/6	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * An táng, cải táng	* Hội họp * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/5 Hoàng Đạo	14/6	* Cúng tế * Mở cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột, gác xà * Chặt cây lấy gỗ * Đi xa trở về * Đốt lò * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * An táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thuỷ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
12/5	15/6	* Lấp hang hố * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đi xa trở về * May quần áo cô dâu, mừng thọ	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/5 Hắc Đạo	16/6	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Cúng tế * May quần áo cô dâu * Lắp hàng hồ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * An táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đính hôn, cưới gả * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Tỵ, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
14/5	17/6	- Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Khởi mương * Chặt cây lấy gỗ * Dỡ tường * Đi thuyền đánh cá * An táng, cải táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Đi xa trở về * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Đục (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/5 Hoàng Đạo	18/6	* Cúng tế * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Nhận người * Dỡ nhà * Phá tường * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhập trạch * Động thổ xây dựng * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tái thần: Chính Bắc			
16/5 Hắc Đạo	19/6	* Thu nạp người * Nhận tiền của * May quần áo cô dâu * Dỡ tường * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Đi thuyền, đánh cá * Săn bắt muông thú	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Ký kết, giao dịch * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Thanh * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/5 Hoàng Đạo	20/6	* Cúng tế, cầu phúc * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Đắp đê chống lụt * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch * An táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Cưới gả
18/5	21/6	* Cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch * Khơi mương * Mở kho, xuất tiền hàng * An táng, cải táng	* Đặt khung cửi * Đi đường sông, biển * Phá bỏ nhà cũ

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/5 Hắc Đạo	22/6	* Nhập học * May quần áo * Cô dâu, mừng thọ * Chặt cây lấy gỗ * Diệt trừ các loại sâu bọ phá hoại mùa màng	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Người đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng
20/5	13/6	* Cúng tế * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở kho, xuất tiền hàng * Đính hôn, cưới gả * Mai táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/5 Hắc Đạo	24/6	* Cúng tế * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * May quần áo cô dâu * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá	* Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Động thổ xây dựng * Cưới gả * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
22/5 Hoàng Đạo	25/6	* Thu nạp người ở mới * Chuyển đến nơi ở mới * Khai trương cửa hàng * Lắp hàng hố * Đào huyệt, an táng	* Động thổ xây dựng * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/5 Hoàng Đạo	26/6	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Lợp mái nhà, trát vữa, quét vôi nhà * Sửa đường * Săn bắt muông thú	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Nhập trạch * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
24/5	27/6	* Lấp hang hố * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá * Mua gia súc	* Cúng tế * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/5 Hắc Đạo	28/6	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Mua gia súc * An táng, cải táng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả
26/5	29/6	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * May quần áo cô dâu * Lâm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lắp hàng hố * Nhận tiền của * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tỵ, Quý Tỵ, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/5 Hoàng Đạo	30/6	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Cúng tế * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Đi xa trở về * Nhập trạch
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
28/5 Hắc Đạo	1/7	* Hội họp * Kê giường cưới * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Làm nhà * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG NĂM (thiếu) MẬU NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/5 Hoàng Đạo	2/7	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Hội họp * Thu nạp người * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Ký kết giao dịch * Xuất hành đi xa * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/6 Hắc Đạo	3/7	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn * Hội họp * Nhận người * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
2/6	4/7	* Động thổ xây dựng * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế * Nhập học * Mời thầy chữa bệnh * Phá bỏ nhà cũ, tường bao * Đi đường sông nước
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/6	5/7	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Đính hôn, ăn hỏi * Nhận người * Nhận tiền của * Đánh cá, đi thuyền	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng
4/6 Hắc Đạo	6/7	* Cúng tế * Tiếp xúc dân * May quần áo có dấu, mừng thọ * Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá * Săn bắt muông thú * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mở cửa hàng * Khai trương cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/6	7/7	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Chặt cây lấy gỗ * Sửa đường * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc	* Nộp đơn * Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, cải táng, an táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Bắc			
6/6 Hắc Đạo	8/7	* Ký kết, giao dịch * Lắp hàng hố * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Săn bắt muông thú * Phá bỏ nhà cũ, tường bao	* Đánh cá, đi thuyền * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tái thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/6 Hoàng Đạo	9/7	* Cúng tế * Nộp đơn * Tiếp xúc dân * Nhận tiền của * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
8/6 Hoàng Đạo	10/7	* Xuất hành đi xa * Thu nạp người * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Mời thầy chữa bệnh * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/6 Hoàng Đạo	11/7	* Thu nạp người * Tu tạo * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Hội họp * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Quý (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tý, Bính Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
10/6 Hắc Đạo	12/7	* May quần áo cô dâu * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Đi xa trở về * Lấp hang hố * Chặt cây lấy gỗ * Đi đường sông, đường biển * Sửa đường * Phá thổ, an táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/6	13/7	* Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Tu tạo * Dựng cột, gác xà	* Cúng tế, cầu phúc * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
12/6 Hoàng Đạo	14/7	* Nhập trạch * Tạo tác * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Mở cửa hàng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khơi mương * Đào giếng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/6 Hắc Đạo	15/7	* Nhận người * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Phá thổ, an táng	* Cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
14/6	16/7	* Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Sửa đường	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Dực (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/6	17/7	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn * Hội họp * Chuyển đến nơi ở mới * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Mai táng, cải táng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
16/6 Hắc Đạo	18/7	* Cúng tế * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Nhận người * Khởi mương * Đi thuyền, đánh cá * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Lợp nóc nhà, trát vữa, quét vôi nhà
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Tỵ, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/6	19/7	* Nhậm chức * Nhận người * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Xuất hành đi xa * Nhận tiền của * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Mua gia súc	* Cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng
18/6 Hắc Đạo	20/7	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * An táng, cải táng * Chặt cây lấy gỗ * Sửa đường	* Nộp đơn * Hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Lắp hàng hố * Đánh cá, đi thuyền

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/6 Hoàng Đạo	21/7	* Cúng tế * Khơi mương * Đào giếng * Vét ao bắt cá * Săn bắt muông thú	* Xuất hành đi xa * Nhậm chức * Đình hôn, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
20/6 Hoàng Đạo	22/7	* Sửa tường * Sửa đường * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Chặt cây lấy gỗ * Tiếp xúc với đồng sự cấp dưới	* Cầu phúc, cầu tự * Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/6 Hoàng Đạo	23/7	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của	* Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tái thần: Đông Nam			
22/6 Hắc Đạo	24/7	* Hội họp * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá	* Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Xuất tiền hàng * Sửa kho * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/6	25/7	* Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Xuất hành đi xa	* Cúng tế * Mời thầy chữa bệnh * Nhận tiền của * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
24/6 Hoàng Đạo	26/7	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Nhận người * Tiếp xúc dân * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/6 Hắc Đạo	27/7	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn * Hội họp * Nhận người * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
26/6	28/7	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Vét ao bắt cá * Sửa đường * Săn bắt muông thú * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Đi xa trở về * Ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Quý Tị, Kỷ Hợi, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/6	29/7	* Cúng tế * Nhập học * Tu sửa kho tàng * Dọn lợp mái nhà * Chặt cây lấy gỗ	* Định hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
28/6 Hắc Đạo	30/7	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Gieo trồng cây ăn quả, ngũ cốc * Lắp hàng hố * Dọn nhà đi ở chỗ khác * Vét ao bắt cá * Phá thổ an táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Đi xa trở về * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG SÁU (thiếu) KỶ MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/6	31/7	* Cúng tế, cầu phúc * Nhập học * Đính hôn, ăn hỏi * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Dựng nhà * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng	* Động thổ xây dựng * Dỡ nhà * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/7 Hắc Đạo	1/8	* Cúng tế, cầu phước * Nộp đơn * Tiếp xúc dân * Nhận người * Nhận tiền của * Phá thổ, an táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
2/7	2/8	* Nộp đơn, hội họp * Nhập học * May quần áo cô dâu * Lập hàng hố * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cúng tế * Nhâm chức * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/7 Hắc Đạo	3/8	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Đi xa trở về
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
4/7 Hoàng Đạo	4/8	* Tu tạo * Khởi công xây dựng xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Ăn hỏi, cưới gả * Thu nạp người * An táng, cải táng * Mở kho, xuất tiền hàng	* Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, thán, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/7 Hoàng Đạo	5/8	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Đuổi bắt * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chuý (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
6/7	6/8	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Đào mương * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Châm cứu * Đắp đê phòng lụt
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/7 Hắc Đạo	7/8	* Chặt cây lấy gỗ * Sửa đường * Vét ao bắt cá * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * May quần áo cô dâu, mừng thọ * Mở kho xuất tiến hàng * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
8/7	8/8	* Phá bỏ nhà cũ, tường bao * Diệt trừ các loại sâu bọ phá hoại mùa màng * Đi đường sông nước * Phá thổ, an táng	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/7 Hoàng Đạo	9/8	* Động thổ xây dựng * Tu tạo * Dựng cột, gác xà * Ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Lạm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Đi đường sông nước * Phá bỏ nhà cũ, tường bao
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Đông			
10/7 Hắc Đạo	10/8	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Nhập học * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Lạm chuồng trại, mua gia súc	* Mời thầy chữa bệnh * Khơi mương * Đào giếng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/7 Hoàng Đạo	11/8	* Xuất hành đi xa * Sửa chữa * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
12/7	12/8	* Cúng tế * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc * Cưới gả * Lợp nóc nhà, trát vữa, quét vôi nhà	* Xuất hành đi xa * Nhậm chức * Nhận người * Nhận tiền của * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/7 Hắc Đạo	13/8	* Chặt cây lấy gỗ * Sửa đường * Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chẩn (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Ất Mão * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
14/7	14/8	* May quần áo cưới, mừng thọ * Đi đường sông nước * Hạp họ hàng, bạn bè, người thân	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/7 Hắc Đạo	15/8	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lắp hàng hố * Nhận tiền của * May quần áo cô dâu * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Phá thổ, an táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch
16/7 Hoàng Đạo	16/8	* Tu tạo, khởi công * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Ăn hỏi, cưới gả * Thu nạp người * An táng, cải táng	* Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đu) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/7 Hoàng Đạo	17/8	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Lạm chuồng trại, mua gia súc * Chặt cây lấy gỗ * An táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc	18/7	18/8	* Khai trương cửa hàng * Đi xa trở về * Lợp nóc nhà, trát vôi vữa * Cưới gả
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông		* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Đi đường sông, đường biển * Phá thổ, an táng	

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/7 Hắc Đạo	19/8	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Nhận tiền của * Khơi mương * Lấp hang hố * Chặt cây lấy gỗ	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Đính hôn, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
20/7	20/8	* Tu tạo * Dựng cột, gác xà * Xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cưới gả * Xuất hành đi xa * Mở cửa hàng * Ký kết giao dịch * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/7 Hoàng Đạo	21/8	* Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
22/7 Hắc Đạo	22/8	* Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá * Săn bắt muông thú * Tiếp xúc với đồng sư cấp dưới	* Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/7 Hoàng Đạo	23/8	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Diệt trừ các loại sâu bọ phá hoại mùa màng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
24/7	24/8	* May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * An táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Nhậm chức * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mở kho, xuất tiến hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Tây Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/7 Hắc Đạo	25/8	* Vét ao bắt cá * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
26/7	26/8	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Xuất tiền hàng * Lấp hang hố * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/7 Hắc Đạo	27/8	* Lắp hàng hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * May quần áo cưới * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Vét ao bắt cá * Phá thổ, an táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
28/7 Hoàng Đạo	28/8	* Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng	* Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Chuyển đến nơi ở mới * Đi đường sông nước
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG BẢY (đủ) CANH THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/7 Hoàng Đạo	29/8	* Hội họp * May quần áo cưới, mừng thọ * Nhận tiền của * Sửa kho * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
30/7	30/8	* An táng, cải táng * Chặt cây lấy gỗ * Phá bỏ nhà cũ, tường bao	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Xuất hành đi xa * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/8 Hoàng Đạo	31/8	* Cúng tế * Hội họp * Nhập học * May quần áo cưới * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Khởi mương * An táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
2/8	1/9	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Chặt cây lấy gỗ * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Dựng cột, gác xà * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/8 Hắc Đạo	2/9	* Cúng tế * Hội họp * Nhập học * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Đính hôn, cưới gả * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Đông – Nam			
4/8	3/9	* Cúng tế * May quần áo cưới * Đắp đê phòng lụt * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Lắp hàng hố * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, cây hoa quả * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Xuất hành đi xa * Chuyển đến nơi ở mới
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/8	4/9	* Xuất hành đi xa * Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Nhậm chức * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
6/8 Hắc Đạo	5/9	* Cúng tế * May quần áo cưới * Lắp hàng hồ * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Cưới gả

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/8 Hoàng Đạo	6/9	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Chặt cây lấy gỗ * Phá bỏ nhà cũ, tường bao * An táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
8/8	7/9	* Nhận tiền của * Lắp hàng hồ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Vét ao bắt cá	* Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Liêu (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/8 Hoàng Đạo * Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông	8/9	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Lấp hang hố * Phá thổ, an táng	* Nhậm chức * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng
10/8	9/9	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm chuồng trại, mua gia súc * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh	* Lấp hang hố * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Cúng tế * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tý, Bính Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/8 Hắc Đạo * Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam	10/9	* Cúng tế, cầu phúc * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đánh cá đi thuyền * Phá thổ, an táng
12/8 Hoàng Đạo * Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam	11/9	* May quần áo cưới * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Chặt cây lấy gỗ	* Cúng tế, cầu phúc * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/8 Hoàng Đạo	12/9	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Lắp hàng hố * Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng * Nhập trạch
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
14/8	13/9	* Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Khởi mương, đào giếng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng, cải táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/8 Hắc Đạo	14.9	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * May quần áo cưới * Lắp hàng hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
16/8	15/9	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Vét ao, bắt cá * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tầm (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/8	16/9	* Xuất hành đi xa * Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn * Hội họp * Nhập học * May quần áo cưới * Dựng nhà * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Dỡ nhà, phá tường * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Phá thổ
18/8 Hắc Đạo	17/9	* Cúng tế * Nộp đơn * Tiếp xúc dân * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới	* Khai trương cửa hàng * Đính hôn, cưới gả * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/8 Hoàng Đạo	18/9	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Lắp hàng hố * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Phá thổ, an táng	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh * Nhập trạch * Ký kết, giao dịch * Cưới gả
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
20/8	19/9	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Đắp đê phòng lụt * Sửa đường * Dỡ nhà * Phá tường * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/8 Hoàng Đạo	20/9	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Nộp đơn * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
22/8	21/9	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lắp hàng hó * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá bỏ nhà cũ, tường bao
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/8 Hắc Đạo	22/9	* Thu nạp người làm * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng * Ký kết, giao dịch * Chặt cây lấy gỗ * Vết ao bắt cá * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Đông - Nam			
24/8 Hoàng Đạo	23/9	* Cúng tế * Xuất hành đi xa * Nhậm chức * Đính hôn, ăn hỏi * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Lợp nóc nhà, trát vữa, quét vôi
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/8 Hoàng Đạo	24/9	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp * Nhận người * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Mua gia súc * An táng, cải táng	* Sửa kho * Ký kết, giao dịch * Khai trương cửa hàng * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Khởi mương, ruộng canh tác
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
26/8	25/9	* Dỡ nhà * Phá tường * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/8 Hắc Đạo	26/9	* Thu nạp người * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc * Cúng tế * Săn bắt muông thú * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Quý Tị, Kỷ Hợi, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
28/8	27/9	* Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Vét ao bắt cá * Khơi mương	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG TÁM (thiếu) TÂN DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/8	28/9	* Chặt cây lấy gỗ * An táng, cải táng * Cúng tế * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Săn bắt muông thú	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Mời thầy chữa bệnh * Sửa kho
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/9	29/9	* Xuất hành đi xa * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Mở kho, xuất tiền hàng * An táng, cải táng * Mời thầy chữa bệnh * Chuyển đến nơi ở mới * Nhận tiền của	* Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Khởi mương * Đào giếng * Săn bắt muông thú * Đi đường sông nước
2/9 Hoàng Đạo	30/9	* May quần áo cưới * Lắp hàng hồ * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/9 Hắc Đạo	1/10	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Lấp hang hố * Chặt cây lấy gỗ * Đi đường sông nước * Phá thổ, an táng, cải táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Mời thầy chữa bệnh
4/9 Hoàng Đạo	2/10	* Lấp hang hố * Gieo trồng cây ăn quả, ngũ cốc * Nhận tiền của * Chặt cây lấy gỗ * Phá thổ, an táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tỉnh (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/9	3/10	* An táng, cải táng, cải táng * Nộp đơn * Hội họp * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Cưới gả
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Quỷ (hung tính) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
6/9 Hắc Đạo	4/10	* Cúng tế * May quần áo cưới * Dỡ tường * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Lấp hang hố * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh tý * Sao: Liễu (cát tính) * Trục: Đinh * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/9	5/10	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn * Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Chặt cây lấy gỗ	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Ký kết, giao dịch * Nhập trạch
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
8/9	6/10	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp * Nhận người * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Săn bắt muông thú * Mua gia súc * Phá thổ, an táng	* Sửa kho * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Khơi mương
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Quý Dậu, Quý Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/9 Hoàng Đạo * Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đục (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông	7/10	* Dỡ nhà * Phá tường * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng	* Cầu phúc, cầu tự * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cô dâu * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua bán gia súc * An táng, cải táng, cải táng
10/9 Hoàng Đạo * Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông	8/10	* Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Mở cửa hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Chuyển đến nơi ở mới	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/9	9/10	* An táng, cải táng , phá thổ * Cưới gả * Nhập học * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá tường, dỡ bỏ nhà cũ	* Lợp mái nhà * Khởi mương * Đào giếng * Cưới gả * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
12/9	10/10	* Cúng tế * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Săn bắt muông thú	* Cưới gả * Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * An táng, cải táng
Hắc Đạo			
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/9	11/10	* Xuất hành đi xa * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Mở kho, xuất tiền hàng * An táng, cải táng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Nhập học	* Hội họp * Cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Săn bắt muông thú
14/9 Hoàng Đạo	12/10	* Lắp hàng hố * May quần áo cưới * An táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/9 Hắc Đạo	13/10	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Nhận tiền của	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
16/9 Hoàng Đạo	14/10	* Khởi tạo * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Lấp hang hố * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Tị, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/9	15/10	* Vét ao bắt cá * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ	* Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Đi xa trở về * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
18/9 Hắc Đạo	16/10	* Chặt cây lấy gỗ * Sửa đường * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Diệt trừ các loại sâu bọ phá hoại hoa màu	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/9	17/10	* Nộp đơn, hội họp * Ký kết, giao dịch * Sửa tương * Sửa đường * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá * Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
20/9 Hắc Đạo	18/10	* Hội họp * Nhậm chức * Chuyển đến nơi ở mới * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá nhà cũ, tường bao * Gieo trồng rau, cây ăn quả	* Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Cưới gả
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/9 Hoàng Đạo	19/10	* Nộp đơn * May quần áo cưới * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Săn bắt muông thú	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho xuất tiền hàng * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
22/9 Hoàng Đạo	20/10	* Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Mời thầy chữa bệnh * Mở cửa hàng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới	* Đính hôn, ăn hỏi * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Khai trương cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/9	21/10	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * An táng, cải táng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông Nam			
24/9	22/10	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lắp hàng hố * May quần áo cưới * Phá bỏ nhà cũ, tường bao * Chặt cây lấy gỗ * Phá thổ, an táng	* Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Đi đường sông, đường biển * Động thổ xây dựng
Hắc Đạo			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đủ) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/9	23/10	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng
26/9 Hoàng Đạo	24/10	* Nhập học * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng	* Cầu phúc, cầu tự * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (dù) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/9 Hắc Đạo	25/10	* Chặt cây lấy gỗ * Ủ men làm rượu, làm giấm * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * May quần áo cô dâu * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
28/9 Hoàng Đạo	26/10	* Xuất hành đi xa * Cúng tế * Mở cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả	* Động thổ xây dựng * Lợp nóc nhà, trát vữa * Phá bỏ nhà cũ, tường bao
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG CHÍN (đu) NHÂM TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/9	27/10	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * May quần áo cưới * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Lấp hang hố * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Mở cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
30/9 Hắc Đạo	28/10	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lấp hang hố * Khơi mương * Ký kết, giao dịch * Chặt cây lấy gỗ * Sửa đường * Lợp nóc nhà, trát vữa	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI (đủ) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/10	29/10	* Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Khai trương cửa hàng * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhận tiền của * Mời thầy chữa bệnh * Nhận người * Nhập học	* Lợp nóc nhà, trát vữa, quét vôi nhà * Săn bắt muông thú
2/10 Hắc Đạo	30/10	* Hội họp * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Quý Dậu * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI (dù) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/10	31/10	* Chặt cây lấy gỗ * Sửa đường * Vét ao bắt cá * Săn bắt muông thú	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Quỷ (hung tính) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
4/10	1/11	* Dỡ nhà * Phá tường	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
Hắc Đạo			
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Liễu (cát tính) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI (đu) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/10 Hoàng Đạo	2/11	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú - May quần áo cưới * Hội họp	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
6/10 Hoàng Đạo	3/11	* Cúng tế, Cầu phúc * Hội họp, nhập học * May quần áo cưới * Động thổ xây dựng * Dựng nhà * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mua gia súc	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI (đủ) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/10	4/11	* Cúng tế * Lắp hàng hố * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
8/10 Hắc Đạo	5/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Khôi mương	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI (đủ) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/10	6/11	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
10/10	7/11	* Cúng tế * May quần áo cưới * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Ký kết, giao dịch * Cưới gả * Lợp mái nhà, trát vữa, quét vôi nhà * Phá thổ, an táng	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mở kho, xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI (đu) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/10 Hắc Đạo	8/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Lắp hàng hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả * Phá bỏ nhà cũ, tường bao * Phá thổ, an táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tý, Bính Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
12/10 Hoàng Đạo	9/11	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cô dâu * Đi xa trở về * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mua gia súc * An táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI (đủ) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/10	10/11	* Nộp đơn * Hội họp * Nhận người * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
14/10	11/11	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Nhậm chức * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * An táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI (đủ) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/10	12/11	* Phá thổ, an táng * Nộp đơn * Mời thầy chữa bệnh * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Săn bắt muông thú	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
16/10 Hắc Đạo	13/11	* Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá * Săn bắt muông thú	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Tỵ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI (đu) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/10 Hoàng Đạo	14/11	* Cúng tế * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Lấp hang hố * Làm chuồng trại, mua gia súc * Đi đường sông, biển	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
18/10 Hoàng Đạo	15/11	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Gặp người thân * Phá thổ, an táng, cải táng	* Lợp nhà * Đặt bếp * Lấp hang hố * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Phá bỏ nhà cũ, tường bao
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI (đủ) QUÝ HỘI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/10	16/11	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * An táng, cải táng	* Lấp hang hố * Đi thuyền trên sông, biển * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
20/10	16/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Săn bắt muông thú * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Vét ao bắt cá	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * May quần áo cô dâu * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
Hắc Đạo	16/11		
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI (đu) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/10	18/11	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Nhập học * Đình hôn, ăn hỏi * May quần áo cô dâu * Khai trương cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ quả	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
22/10 Hoàng Đạo	19/11	* Dựng cột, gác xà * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cầu phúc, cầu tự * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI (đủ) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/10 Hắc Đạo	20/11	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Nộp đơn * Đi xa trở về * Lắp hàng hố * Dỡ nhà * Phá tường * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Đính hôn, cưới gả * Phá thổ, cải táng * Mua gia súc * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Khue (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
24/10 Hoàng Đạo	21/11	* Cúng tế * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * May quần áo cô dâu * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Đông-Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI (đủ) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/10	22/11	* Nộp đơn, hội họp * Nhận người * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Lắp hàng hố * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng
26/10 Hắc Đạo	23/11	* Cúng tế * Sửa đường * Tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Lắp hàng hố * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Phá bỏ nhà cũ, tường bao	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Nhập trạch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI (đủ) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/10	24/11	* Lắp hàng hố * Động thổ xây dựng * May quần áo cô dâu * Vét ao bắt cá * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng * Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh
28/10 Hắc Đạo	25/11	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Sửa đường * Đi đường sông, biển	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI (đủ) QUÝ HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/10 Hoàng Đạo	26/11	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Nhập trạch * An táng, cải táng * Mở cửa hàng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Mời thầy chữa bệnh * Phá bỏ nhà cũ, tường bao
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI MỘT(thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/11 Hoàng Đạo	27/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Chặt cây lấy gỗ	* Lợp mái nhà * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tỉnh (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Sửu, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
2/11 Hoàng Đạo	28/11	* Công tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Nhập học * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Lấp hang hố * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, cây hoa quả
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tí * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/11 Hoàng Đạo	29/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Săn bắt muông thú * An táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Khai trương cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc
4/11	30/11	* Cúng tế * Hội họp * Nhập học * May quần áo có dẫu * Khơi mương * Đào giếng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Đánh cá, đi thuyền * Cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Liêu (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông-Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỖI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/11 Hắc Đạo	1/12	* Cúng tế * May quần áo cưới * Đắp đèn phòng lụt * Nhận tiền của * Lấp hang hố * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tỵ, Ất Tỵ, Kỷ Hợi * Tuổi hợp: Mão, Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
6/11	2/12	* Lấp hang hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * May quần áo cưới * Đi xa trở về * Chặt cây lấy gỗ * Mời thầy chữa bệnh	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Dực (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỖI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/11 Hoàng Đạo	3/12	* Ký kết, giao dịch * Mở cửa hàng * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, cây ăn quả * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền trên sông, biển
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chẩn (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
8/11 Hắc Đạo	4/12	* Nộp đơn, hội họp * Nhận người * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Lấp hang hố * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế * Nhậm chức * Đính hôn, cưới gả * Động thổ xây dựng * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/11 Hoàng Đạo	5/12	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cưới * Lắp hàng hố * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cầu phúc, cầu tự * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
10/11	6/12	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Nhập trạch * An táng, cải táng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * An táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, cây hoa quả * Vét ao bắt cá * Đi đường sông, biển
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỖI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/11 Hắc Đạo	7/12	* Cúng tế * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng	* Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
12/11	8/12	* Lắp hàng hố * May quần áo cổ dàu * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/11 Hắc Đạo	9/12	* Săn bắt muông thú * Sửa đường * Vết ao bắt cá	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
14/11 Hoàng Đạo	10/12	* Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cô dâu * Dựng nhà * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Mở kho, xuất tiền hàng * Khởi mương * Đào giếng * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Định hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông-Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/11 Hoàng Đạo	11/12	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nhập học * Nhậm chức * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * An táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tỵ, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông-Nam			
16/11	12/12	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá * Phá thổ, an táng * Đi đường sông, biển	* Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Đi xa trở về * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
* 17/11 Hắc Đạo	13/12	* Cúng tế * Nhập học * May quần áo cô dâu * Vết ao bắt cá * Săn bắt muông thú * Phá thổ, an táng	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Ký kết giao dịch * Mở kho, xuất tiến hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Tỵ, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
18/11	14/12	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Lắp hàng hố * Làm chuồng trại, mua gia súc * Hội họp * Nhập học * Khởi mương	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Cưới gả
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/11 Hoàng Đạo	15/12	* Xuất hành đi xa * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Mở cửa hàng, cửa hiệu * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch	* May quần áo cô dâu * Cúng tế * Đi thuyền, đánh cá * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
20/11 Hắc Đạo	16/12	* Nộp đơn * Tiếp xúc dân * Nhận tiền của * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/11 Hoàng Đạo	17/12	* Cúng tế * Nộp đơn * May quần áo cô dâu * Lắp hàng hố * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng	* Di chuyển đến nơi ở mới * Cưới gả * Làm chuồng trại, mua gia súc * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
22/11	18/12	* Đính hôn, cưới gả * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Nhập trạch * An táng, cải táng	* Hội họp * Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/11 Hắc Đạo	19/12	* Hội họp * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Phá bỏ nhà cũ, tường bao * Lợp nóc nhà, trát vữa, quét vôi nhà	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
24/11	20/12	* Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Săn bắt muông thú	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/11 Hắc Đạo	21/12	* May quần áo cỡ dẫu * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
26/11 Hoàng Đạo	22/12	* Đính hôn, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng	* Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Đi đường sông nước
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỖI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/11 Hoàng Đạo	23/12	* Nộp đơn * Nhập học * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, cây hoa màu, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Hội họp * Săn bắt muông thú
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: hoả * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu: * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
28/11	24/12	* Tu tạo * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỖI MỘT (thiếu) GIÁP TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/11 Hắc Đạo	25/12	* Nhập học * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Vết ao bắt cá	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Đi xa trở về * Mở kho, xuất tiền hàng * Nhận tiền của * Phá thổ, an táng, cải táng
30/11	26/12	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tỵ, Quý Tỵ, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỖI HAI (đủ) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/12 Hắc Đạo	27/12	* May quần áo cổ dàu * Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá * Đi xa trở về * Phá thổ, an táng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Liếu (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
2/12	28/12	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Nhập trạch * An táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Lắp hàng hố * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI HAI (đủ) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/12 Hoàng Đạo	29/12	* Cúng tế * Hội họp * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Đính hôn, ăn hỏi	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
4/12 Hắc Đạo	30/12	* Chặt cây lấy gỗ * Khơi nương * Ủ men, làm rượu, giấm * May quần áo cưới * Phá thổ, an táng	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Đặt bếp
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI HAI (đủ) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/12	31/12	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chẩn (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
6/12	1/1/2009	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mở kho xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thuỷ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI HAI (đủ) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/12 Hắc Đạo	2/1/2009	* Vét ao bắt cá * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Săn bắt muông thú	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
8/12	3/1/2009	* Cúng tế * Khai trương cửa hàng * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI HAI (đủ) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/12 Hắc Đạo * Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc	4/1/2009	* Nộp đơn * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Đắp đê phòng lụt * Nhận tiền của * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Phá thổ, an táng, cải táng
10/12 Hoàng Đạo * Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông	5/1/2009	* Cúng tế * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Lắp hàng hố * Nhận tiền của * Giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI HAI (đu) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/12 Hoàng Đạo	6/1/2009	* Cúng tế * An táng, cải táng , cải táng * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Vét ao bắt cá	* Đính hôn, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
12/12 Hoàng Đạo	7/1/2009	* Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Lạm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI HAI (đủ) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/12 Hắc Đạo	8/1/2009	* Vét ao bắt cá * Chặt cây lấy gỗ * Khởi mương * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
14/12	9/12/2009	* Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế, cầu phúc * Lấp hang hố * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI HAI (đủ) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/12 Hoàng Đạo	10/1/2009	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiến hàng * Cưới gả * An táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Khởi mương * Đào giếng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Dỡ nhà
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Dậu, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông-Nam			
16/12 Hắc Đạo	11/1/2009	* Lấp hang hố * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * Phá thổ, an táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Di chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI HAI (đủ) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/12	12/1/2009	* Săn bắt muông thú * Khởi mương * Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Hợi, Đinh Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
18/12	13/1/2009	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Di chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng	* Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Tý, Mậu Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỖI HAI (đủ) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/12 Hắc Đạo	14/1/2009	* Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Đánh cá * Chặt cây lấy gỗ * Vét ao bắt cá	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Bích (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
20/12	15/1/2009	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * An táng, cải táng * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng	* Cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Canh Dần, Canh Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI HAI (đủ) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/12 Hắc Đạo	16/1/2009	* Cúng tế * Lắp hàng hố * Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Tân Mão, Tân Dậu, Ất Mão * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
22/12 Hoàng Đạo	17/1/2009	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Nhập học * Nhận người * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI HAI (đu) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/12 Hoàng Đạo	18/1/2009	* Cúng tế * An táng, cải táng * Chặt cây lấy gỗ * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng	* Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
24/12 Hoàng Đạo	19/1/2009	* Cúng tế * Nhập học * Lấp hang hố * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Ngọ, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông-Nam			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỖI HAI (đu) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/12 Hắc Đạo	20/1/2009	* Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Mùi, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tái thần: Đông-Nam			
26/12	21/1/2009	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * An táng, cải táng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng	* Nhận người * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc * Mời thầy chữa bệnh * Chuyển đến nơi ở mới
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Canh Dần, Canh Thân, Bính Dần * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MUỐI HAI (đủ) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/12 Hoàng Đạo	22/1/2009	* Quét dọn nhà cửa sau lễ, an táng * May quần áo cưới * Khởi mương * Gieo trồng rau , quả, ngũ cốc * Nhận tiền của	* Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
28/12 Hắc Đạo	23/1/2009	* Săn bắt muông thú * Khởi mương * Chặt cây lấy gỗ	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Nhâm Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2008 MẬU TÝ
THÁNG MƯỜI HAI (đu) ẤT SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/12	24/1/2009	* Sửa đường * Lấp hang hố * Diệt trừ các loại sâu bọ phá hoại mùa màng * Vét ao bắt cá	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Làm chuồng trại, mua gia súc * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
30/12	25/1/2009	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Gieo trồng rau, cây hoa quả, ngũ cốc

PHẦN III

**XEM NGÀY TỐT XẤU
THEO LỊCH DÂN GIAN NĂM 2009**

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đủ) BÌNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/1 Hoàng Đạo	26/1	* Cầu phúc giải hạn * Gieo trồng rau, cây ăn quả, ngũ cốc * Hái lộc, khai bút, du xuân, đi lễ chùa * Họp bạn, chúc mừng	* Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
2/1	27/1	* Cúng tế * Mời thầy chữa bệnh * Khai bút * Đi lễ chùa	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển sang nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng * Dỡ nhà * Phá tường
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Dực (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đủ) BÌNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/1 Hắc Đạo	28/1	* Quét dọn nhà cửa * May quần áo cưới, mừng thọ * Nhận tiền của	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chấn (Hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
4/1	29/1	* Cúng tế, cầu phúc * Xuất hành đi xa * Hội họp * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc * Khơi mương	* Nhập trạch * Cưới hỏi * Khởi tạo
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: (Hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đủ) BÌNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/1 Hắc Đạo	30/1	* Cúng tế, cầu phúc * Nhận người * Chuyển sang nơi ở mới * May quần áo cô dâu * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Đánh cá, đi thuyền - Hội họp	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Cang (Cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Tị, ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
6/1 Hoàng Đạo	31/1	* Mua gia súc * Nhập học * An táng, cải táng * Ăn hỏi, cưới gả * Chuyển sang nơi ở mới * Tu tạo * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch	* Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bình Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đê (Cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đù) BÌNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/1 Hoàng Đạo	1/2	* Quét dọn nhà * cửa sau lễ an táng * Đắp đê * Mở cửa hàng * Mua gia súc * Hội họp * Ký kết, giao dịch * An táng, cải táng	* Định hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
8/1	2/2	* Hội họp * May quần áo cô dâu * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế * Xuất hành đi xa * Nhận người * Chuyển sang chỗ ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đù) BÍNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/1 Hắc Đạo	3/2	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Cầu phúc, cúng tế * Hạp bạn	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vỹ (hung tính) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
10/1	4/2	* Cúng tế, * Cầu phúc * Hội họp * May quần áo cô dâu, mừng thọ	* Đính hôn, cưới gả * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền, xuất hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cơ (hung tính) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đủ) BÍNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/1 Hoàng Đạo	5/2	* Sửa đường * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Săn bắt muông thú * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tây Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
12/1 Hắc Đạo	6/2	* Cúng tế, cầu phúc * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG GIÊNG (đủ) BÌNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/1 Hoàng Đạo	7/2	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đính hôn * May quần áo cưới, mừng thọ * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Mời thầy chữa bệnh * Đi đò, phà, sông nước * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
14/1	8/2	* Cúng tế * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Kê giường cưới * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đủ) BÌNH DÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/1 Hắc Đạo	9/2	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Đi xa trở về	* Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Làm nhà
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
16/1	10/2	* Thu nạp người * Nhập học * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * An táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đủ) BÌNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/1 Hắc Đạo	11/2	* Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Nhận tiền của * Nộp đơn * Hội họp * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Tỵ, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
18/1 Hoàng Đạo	12/2	* Nhập học * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng * Ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà	* Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Nạp tiền
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đủ) BÌNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/1 Hoàng Đạo	13/2	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Nhập học * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới, mừng thọ * Nhận tiền của * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả	* Động thổ xây dựng * Lấp ao hồ * Đi thuyền, đi sông nước * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
20/1	14/2	* May quần áo cô dâu * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, cải táng, an táng	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đù) BÍNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/1 Hắc Đạo	15/2	* Cúng tế * Hội họp * Nhậm chức * Giao dịch	* Cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Đánh cá, đi sông nước * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
22/1	16/2	* Đính hôn, cưới gả * Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Đi xa trở về * Chặt cây lấy gỗ
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đủ) BÍNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/1 Hoàng Đạo	17/2	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
24/1 Hắc Đạo	18/2	* Cúng tế * Sửa nhà * Sửa đường, cầu cống	* Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi sông nước
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (dù) BÍNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/1 Hoàng Đạo	19/2	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của	* Khởi công * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
26/1	20/2	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Đánh cá, đi thuyền	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đủ) BÍNH DẦN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/1 Hắc Đạo	21/2	* Tham quan, du lịch * An táng, cải táng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mua gia súc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Liểu (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
28/1	22/2	* Đánh cá, đi thuyền * May quần áo cổ đầu * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại mua gia súc * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Nhập trạch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khởi tạo
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG GIÊNG (đủ) BÌNH DẪN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/1 Hắc Đạo	23/2	* Thu nạp người * Nộp đơn, hội họp * Nhận người * Săn bắt muông thú * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đánh cá, đi thuyền	* Đính hôn, ăn hỏi * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
30/1 Hoàng Đạo	24/2	* An táng * Nhập học * Ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà	* Xuất hành đi xa * Cầu phúc, cầu tự * Lấp ao hồ * Khơi mương, đào giếng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU

THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/2 Hắc Đạo	25/2	* Khởi mương * Đào giếng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Nhận người * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
2/2 Hoàng Đạo	26/2	* May quần áo cô dâu * Đắp đê phòng lụt * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Định hôn, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/2 Hoàng Đạo	27/2	* Hội họp * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * Mở kho, xuất tiền hàng * Động thổ xây dựng * Cúng tế, cầu phúc, cầu tự	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Đánh cá, đi thuyền * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			
4/2	28/2	* Đính hôn, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Gác xà * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Nhập trạch	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tái thần: Đông – Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/2 Hắc Đạo	1/3	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Đi xa trở về * Lấp ao hồ	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Phá thổ, an táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Mão, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Tị, ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
6/2	2/3	* Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Sửa kho * Chặt cây lấy gỗ	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Lấp ao hồ
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU

THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/2	3/3	* Thu nạp người * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Họp ban bề * Chuyển đến nơi ở mới * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
8/2	4/3	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Đánh cá, đi thuyền	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU .
THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/2 Hoàng Đạo	5/3	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Xuất hành đi xa * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tái thần: Chính Bắc			
10/2	6/3	* Đánh cá, đi thuyền * Chặt cây lấy gỗ * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Dựng nhà * Khởi mương * Đào giếng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/2 Hoàng Đạo	7/3	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Nhập học * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng	* Cúng tế, cầu phúc * May quần áo cô dâu, mừng thọ
12/2	8/3	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Chặt cây lấy gỗ * Nhận tiền của * Lắp ao hồ	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mở cửa hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Thanh * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bình tý, Bình Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/2 Hắc Đạo	9/3	* Cúng tế * Nhận người * Mua gia súc * Nhận tiền của * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
14/2 Hoàng Đạo	10/3	* Phá thổ, an táng, cải táng * Nộp đơn, hội họp * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cưới gả * Mở kho, xuất tiền hàng * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/2 Hoàng Đạo	11/3	* Lắp ao hồ * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Mở cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Nhận người * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Ất Mão * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
16/2	12/3	* Đính hôn, cưới gả * Dọn đến chỗ ở mới * Động thổ xây dựng * Gác xá * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/2 Hắc Đạo	13/3	* Cúng tế, cầu phúc * Hợp thân hữu * Quét dọn nhà sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mở kho, xuất tiền hàng * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Lâu * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
18/2	14/3	* Ký kết, giao dịch * May quần áo cô dâu * Sửa kho * Nhận tiền của	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Lấp ao hồ * Cưới gả
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/2	15/3	* Đính hôn, cưới gả * Thu nạp người * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Họp bạn bè * Chuyển đến nơi ở mới * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Nhận tiền của
20/2 Hắc Đạo	16/3	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Nhận tiền của	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng * Lấp ao hồ
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Đinh * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU

THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/2 Hoàng Đạo	17/3	* Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa	* Cầu phúc, cầu tự * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
22/2	18/3	* Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lấp ao hồ
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/2 Hoàng Đạo	19/3	* Lắp ao hồ * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch * Khởi mương * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng	* Cưới gả * May quần áo cưới, mừng thọ
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Ty, Đinh Ty * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
24/2	20/3	* Cúng tế, cầu phúc * Nhập học * Nhận người * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khởi tạo * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/2 Hắc Đạo	21/3	* Khởi mương * Đào giếng * Dựng cột, gác xà * Làm chuồng trại, mua gia súc * Cúng tế * Nhận tiền của	* Xuất hành đi xa * Định hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến chỗ ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
26/2 Hoàng Đạo	22/3	* Nộp đơn, hội họp * Nhập học * Chuyển đến chỗ ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Xuất hành đi xa * Định hôn, ăn hỏi * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế * Cưới gả * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Liều (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/2 Hoàng Đạo	23/3	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Cải táng	* Động thổ xây dựng * Lấp ao hồ * Khai trương cửa hàng * Dỡ nhà
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
28/2	24/3	* Cúng tế, cầu phúc * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG HAI (thiếu) ĐINH MÃO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/2 Hắc Đạo	25/3	* Quét dọn nhà cửa sau an táng	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Nhận người * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Tỵ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BA (đủ) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/3 Hắc Đạo	26/3	* Ký kết giao dịch * Dựng cột, gác xà * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở kho, xuất tiến hàng	* Động thổ xây dựng * Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Lấp ao hồ
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
2/3 Hắc Đạo	27/3	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cò dâu, mừng thọ	* Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BA (đủ) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/3	28/3	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Đi xa trở về * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Khai trương cửa hàng * Đánh cá, đi thuyền
4/3 Hoàng Đạo	29/3	* Thu nhận người làm * Mời thầy chữa bệnh * Đánh cá, đi thuyền * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG BA (đủ) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/3 Hắc Đạo	30/3	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cưới, mừng thọ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
6/3 Hoàng Đạo	31/3	* Làm chuồng trại, mua gia súc * Lắp ao hồ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Nhận tiền của * Kê giường cho cô dâu chú rể	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BA (đủ) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/3	1/4	* Nhập học * Xuất hành đi xa * Thu nạp người * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nạp tài * Mở kho xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
8/3	2/4	* Sửa kho * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhận tiền của	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BA (đủ) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/3	3/4	* Nộp đơn, hội họp * Nhập học * Xuất hành đi xa * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nguu (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
10/3 Hắc Đạo	4/4	* Cúng tế * Nhận tiền của * Lấp ao hồ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * May quần áo cô dâu, mừng thọ	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BA (đủ) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/3 Hoàng Đạo	5/4	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhập học * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Khơi mương	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
12/3 Hoàng Đạo	6/4	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Nhận tiền của * May quần áo cô dâu, mừng thọ	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tí * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: ất Hợi, Tân Hợi, ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU

THÁNG BA (đủ) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/3	7/4	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Thu nạp người * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đánh cá, đi thuyền
14/3 Hắc Đạo	8/4	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Khơi mương * Đào giếng * Lấp ao hồ * Chặt cây lấy gỗ * Đi xa trở về	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BA (đủ) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/3	9/4	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Lấp ao hồ * Khởi mương đào giếng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch
16/3 Hoàng Đạo	10/4	* Dựng cột, gác xà * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhận người * Ký kết, giao dịch * An táng, cải táng	* Hội họp * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đánh cá, đi thuyền

2009 KỶ SỬU
THÁNG BA (dù) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/3 Hắc Đạo	11/4	* Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cô dâu * Đi xa trở về	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tị * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
18/3 Hoàng Đạo	12/4	* Nhập học khai bút * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Nạp tài * Mở cửa hàng * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Dỡ nhà, phá tường * Đi thuyền, đánh cá
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Tị, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BA (đủ) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/3	13/4	* Nhập học * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Thu nạp người * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Đánh cá, đi thuyền
20/3 Hắc Đạo	14/4	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Nhận người * Đắp đê phòng lụt * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc	* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc		

2009 KỶ SỬU
THÁNG BA (đủ) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/3	15/4	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Đào giếng	* Cúng tế, cầu tự, cầu phúc * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng
22/3	16/4	* Chặt cây lấy gỗ * Phá tường * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Mời thầy chữa bệnh * Cưới gả * Mở kho xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tị * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BA (dù) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/3 Hoàng Đạo	17/4	* Hội họp * Nhập học * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cưới gả, ăn hỏi, đính hôn * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam	* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam	* Hội họp * Tiếp xúc dân * May quần áo cô dâu * Lấp ao hồ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng

2009 KỶ SỬU
THÁNG BA (đù) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/3	19/4	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cô dâu - Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
26/3	20/4	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đi xa trở về	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng

2009 KỶ SỬU

THÁNG BA (đù) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/3	21/4	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Nhận tiền của * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng	* Xuất hành đi xa * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Dực (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
28/3	22/4	* Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Săn bắt muông thú * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Hội họp * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Khơi mương * Đào giếng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU

THÁNG BA (đu) MẬU THÌN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/4 Hắc Đạo	23/4	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo có dẫu * Chặt cây lấy gỗ	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
30/3 Hoàng Đạo	24/4	* Khai bút, nhập học * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cúng tế * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TÌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/4 Hắc Đạo	25/4	* Cúng tế * May quần áo cô dâu * Sửa kho * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
2/4 Hoàng Đạo	26/4	* Xuất hành đi xa * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Lâm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/4 Hắc Đạo	27/4	* Cúng tế * Chặt cây lấy gỗ * May quần áo - cô dâu, mừng thọ	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
4/4 Hắc Đạo	28/4	* Cúng tế * Nhập học * Lấp ao hồ * May quần áo - cô dâu, mừng thọ	* Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn - Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TÌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/4	29/4	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * May quần áo cưới	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * An táng, cải táng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
6/4 Hắc Đạo	30/4	* Cúng tế * Nộp đơn * May quần áo cô dâu, mừng thọ	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khơi mương * Đào giếng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỵ Tị, Ất Hợi, Kỵ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/4 Hoàng Đạo	1/5	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Dựng nhà * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
8/4 Hoàng Đạo	2/5	* Nộp đơn, hội họp * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cô dâu * Đắp đê phòng lụt * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả	* Cầu phúc, cầu tự * Động thổ xây dựng * Lấp ao hồ
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/4	3/5	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Sửa đường * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Đi xa trở về	* Mời thầy chữa bệnh * Kê giường cưới * Chuyển đến nơi ở mới
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Đinh * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
10/4 Hắc Đạo	4/5	* Cúng tế * Nộp đơn * Nhậm chức * Nhận người * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Cưới gả * Sửa đường * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/4	5/5	* Đính hôn, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
12/4 Hoàng Đạo	6/5	* Cúng tế * Dỡ nhà * Phá tường * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa	* Nộp đơn, hội họp * Ký kết, giao dịch * Khai trương cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU

THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TÌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/4 Hắc Đạo	7/5	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Đi xa trở về * Nhận tiền của	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bình Tý, Bình Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
14/4 Hoàng Đạo	8/5	* Xuất hành đi xa * Tu tạo * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/4	9/5	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Đi xa trở về	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
16/4 Hắc Đạo	10/5	* Cúng tế * May quần áo cưới * Đắp đê chống lụt * Khởi mương * Đào giếng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/4	11/5	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Lắp ao hồ * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cưới gả * Mở cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột, gác xà
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
18/4 Hắc Đạo	12/5	* May quần áo cưới, mừng thọ * Lắp ao hồ * Đắp đê phòng lụt	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/4 Hoàng Đạo	13/5	* Cúng tế, cầu phúc * Cưới gả * Mở cửa hàng * May quần áo cưới * Dựng cột, gác xà * Lắp hàng hố	* Xuất hành đi xa * Nhập học * Động thổ xây dựng * Mua gia súc * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
20/4 Hoàng Đạo	14/5	* May quần áo cưới * Nhận tiền của * Đi xa trở về * An táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiêu) KỶ TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/4	15/5	* Xuất hành đi xa * Thu nạp người * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Hội họp * Nhậm chức * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Chính Đông			
22/4 Hắc Đạo	16/5	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ ăn tang	* Hội họp * Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng * Sân bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tái thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/4	17/5	* Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Đi xa trở về	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhân Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
24/4 Hoàng Đạo	18/5	* Cúng tế, cầu phúc * May quần áo cưới * Cưới gả * Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TÌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/4 Hắc Đạo	19/5	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Nhận tiền của * May quần áo cưới * Lắp ao hồ	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
26/4 Hoàng Đạo	20/5	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Nạp tài * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chẩn (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TÌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/4	21/5	* Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Săn bắt muông thú * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cúng tế * Đi xa trở về * Đánh cá, đi sông nước * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
28/4 Hắc Đạo	22/5	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ	* Cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Đánh cá, đi thuyền * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TƯ (thiếu) KỶ TỊ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/4	23/5	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Hội họp * Nhập học * Xuất hành đi xa * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * An táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đủ) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/5 Hắc Đạo	24/5	* May quần áo cưới * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
2/5	25/5	* Cúng tế * Đi xa trở về * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở cửa hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Canh Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đỏ) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/5 Hắc Đạo	26/5	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Dựng cột, gác xà
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
4/5 Hoàng Đạo	27/5	* Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới * Lấp ao hồ * Đào huyệt, an táng	* Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Khơi mương
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đủ) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/5 Hoàng Đạo	28/5	* Sửa tường * Sửa đường	* Nộp đơn * Hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Đinh * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			
6/5	29/5	* Nhập trạch * Mai táng * Nhận tiền của * Mua gia súc	* Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tái thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đu) CANH NGO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/5 Hắc Đạo	30/5	* Cúng tế * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
8/5	31/5	* Cưới gả * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Ký kết, giao dịch * May quần áo cưới, mừng thọ * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Động thổ xây dựng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đủ) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/5 Hoàng Đạo	1/6	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Nhận tiền của	* Nộp đơn * Hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Kê giường cưới * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
10/5 Hắc Đạo	2/6	* Cúng tế * Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Mở kho, xuất tiền hàng * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đủ) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/5 Hoàng Đạo	3/6	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Đi xa trở về * Ký kết, giao dịch * May quần áo cưới * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Mở kho, xuất tiền hàng * Mua gia súc
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
12/5	4/6	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Hội họp * Nhập học * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi * Chuyển nơi ở ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * An táng, cải táng	* Nhận người * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU

THÁNG NĂM (đù) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/5 Hắc Đạo	5/6	* Cúng tế * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Cưới gả * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
14/5	6/6	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Đi xa trở về	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Xuất hành đi xa * Phá thổ, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đu) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/5 Hắc Đạo	7/6	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Khơi mương	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Phá thổ, an táng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
16/5 Hoàng Đạo	8/6	* Khởi tạo * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * An táng, cải táng	* Hội họp * Kê giường cưới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đu) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/5 Hoàng Đạo	9/6	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Sửa tường * Sửa đường * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Mua gia súc
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
18/5	10/6	* Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mai táng cải táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đu) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/5 Hắc Đạo	11/6	* Tiếp xúc dân * May quần áo cưới	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Tỵ, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
20/5	12/6	* May quần áo cưới * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Động thổ xây dựng * Chuyển đến nơi ở mới * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đu) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/5 Hoàng Đạo	13/6	* Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Cúng tế * May quần áo cưới * Đắp đê chống lụt * Cưới gả * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột, gác xà * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhận tiền của
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Liếu (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
22/5 Hắc Đạo	14/6	* Nộp đơn * Hội họp * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (dù) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/5 Hoàng Đạo	15/6	* Cúng tế * Nộp đơn * Hội họp * Tiếp xúc dân * Mời thầy chữa bệnh * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * An táng, cải táng	* Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng
24/5	16/6	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Đình hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Lấp ao hồ * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * May quần áo cưới * Đắp đê phòng lụt * Khởi mương * Phá thổ, an táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Đi xa trở về

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đu) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/5 Hắc Đạo	17/6	* Cúng tế * May quần áo cưới * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mua gia súc * Dựng cột, gác xà * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chẩn (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
26/5	18/6	* Cúng tế * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Mở kho, xuất tiền hàng * Khởi mương * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đánh cá, đi thuyền * Nhập trạch * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đủ) CANH NGỌ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/5 Hắc Đạo	19/6	* Cúng tế * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * Quét dọn nhà cửa, sau lễ an táng * May quần áo cưới * Khôi mương	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Dựng cột gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
28/5 Hoàng Đạo	20/6	* Thu nạp người ở mới * Chuyển đến nơi ở mới * Khai trương cửa hàng * Nạp tài * Lấp ao hồ * Đào huyết, an táng * Cưới gả	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (đu) CANH NGO

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/5 Hoàng Đạo	21/6	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Phóng (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
30/5	22/6	* Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * An táng, cải táng * Đi xa trở về * May quần áo cưới	* Mở kho, xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/5 Hắc Đạo	23/6	* Cúng tế * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Cưới gả * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vũ (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tỵ, Quý Tỵ, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
2/5	24/6	* Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Nhận tiền của	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/5 Hoàng Đạo	25/6	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Hội họp * May quần áo cưới * Đi xa trở về	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tái thần: Chính Đông			
4/5	26/6	* Hội họp * Kê giường cưới * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng * Cầu phúc, cầu tự
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/5 Hoàng Đạo	27/6	* Nộp đơn, hội họp * Nhập học * Tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cưới * Đắp đê phòng lụt * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông – Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
6/5	28/6	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Đắp đê phòng lụt * Đào giếng * Dỡ nhà * Phá tường * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Thân, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông- Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/5 Hắc đạo	29/6	* Nhập học * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Khơi mương	* Cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Ngụy (hung tinh) * Trục: Bê * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
8/5	30/6	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * May quần áo cưới * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Lấp ao hồ
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/5 Hắc Đạo	1/7	* Cúng tế * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * Thu nạp người * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
10/5 Hoàng đạo	2/7	* Khởi tạo * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh * Mở cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/5 Hoàng Đạo	3/7	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Nhận người * May quần áo cưới * Nhận tiền của	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Hội họp * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
12/5	4/7	* Nhập trạch * Mai táng * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Đi xa trở về	* Cúng tế, cầu tự, cầu phúc * Xuất hành đi xa * Hội họp * Ký kết, giao dịch * Cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/5 Hắc Đạo	5/7	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cưới * Nhận tiền của	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Đào huyệt, an táng, cải táng * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
14/5 Hoàng Đạo	6/7	* Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Khởi mương * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đào huyệt mộ, an táng, cải táng * Đào giếng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tý, Bính Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/5 Hoàng Đạo	7/7	* Cúng tế * Khởi mương * Mua gia súc * Lấp ao hồ * Chặt cây lấy gỗ * Đào huyết mộ, an táng, cải táng * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả	* Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đào giếng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
16/5 Hắc Đạo	8/7	* Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Kê giường cưới * May quần áo cưới * Sửa kho * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở kho, xuất tiền hàng * Động thổ xây dựng * Đào huyết, mộ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/5 Hoàng Đạo	9/7	* Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Nhân người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Đắp đê chống lụt * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng * Khơi mương, đào giếng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bình tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
18/5	10/7	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Khơi mương * Đào giếng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/5 Hắc Đạo * Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Liều (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây	11/7	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Đào giếng * Hội họp	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh
20/5 * Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc	12/7	* Cúng tế * May quần áo cưới * Hội họp * Nhận tiền của	* Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN .

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/5 Hắc Đạo	13/7	* Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhận tiền của * May quần áo cưới	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Nhập trạch
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
22/5 Hoàng Đạo	14/7	* Xuất hành đi xa * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhận người * Mở cửa hàng	* Tu tạo * Nhập trạch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Dực (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/5 Hoàng Đạo	15/7	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng * Khởi mương, Đào giếng * Lấp ao hồ	* Nộp đơn, hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây - Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
24/5	16/7	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/5 Hắc Đạo	17/7	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ	* Cưới gả * Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			
26/5	18/7	* Xuất hành đi xa * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Nhậm chức * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tái thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/5 Hoàng Đạo	19/7	* Hội họp * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Nhận tiền của * May quần áo cưới * Khởi mương * Đào giếng	* Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Khai trương cửa hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Phòng (hung tính) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tái thần: Đông - Nam			
28/5 Hắc Đạo	20/7	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hoả * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tâm (hung tính) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG NĂM (thiếu) NHUẬN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/5	21/7	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Lấp hang hố * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU

THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/6 Hắc Đạo	22/7	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Nhận người * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Đặt cối xay giã * Lạm chuông trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Tiếp xúc dân * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
2/6	23/7	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Lấp ao hồ * Đi xa trở về	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Mở cửa hàng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU

THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/6	24/7	* Cúng tế * Nhập học * May quần áo cưới * Tiếp xúc dân	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
4/6	25/7	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ * Đi xa trở về * Khởi mương * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm chuồng trại, mua gia súc * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU

THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/6	26/7	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Nhập học * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * An táng, cải táng	* Đắp đê chống lụt * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Dỡ nhà * Phá tường * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
6/6 Hắc Đạo	27/7	* Cúng tế * Dỡ tường * May quần áo cưới * Đắp đê chống lụt * Nhận tiền của	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/6 Hoàng Đạo	28/7	* Nộp đơn, hội họp * Nhập học * May quần áo cưới * Đặt khung cửi * Lấp ao hồ * Đắp đê chống lụt * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Dính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Đánh cá, đi thuyền
8/6 Hoàng Đạo	29/7	* Xuất hàng * Thu nạp người làm * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế * Sửa tường * Sửa đường
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/6 Hoàng Đạo	30/7	* Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Săn bắt muông thú * Phá thổ, an táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Mời thầy chữa bệnh * Xếp đặt buồng sản phụ * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
10/6 Hắc Đạo	31/7	* Cúng tế * May quần áo cưới * Khởi mương * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Nhận tiền của	* Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng * Mở cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU

THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/6	1/8	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Xuất hành đi xa * Tu tạo * Dựng cột, gác xà * Mời thầy chữa bệnh	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
12/6 Hoàng Đạo	2/8	* Nhập trạch * Tạo tác * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/6	3/8	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Cúng tế, cầu phúc * May quần áo cưới * Khởi mương	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
14/6	4/8	* Cúng tế * May quần áo cưới * Lắp ao hồ * Đi xa trở về	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng * Dựng cột, gác xà * Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU

THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/6	5/8	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Nhập học * Xuất hành đi xa * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Khai trương cửa hàng * Nhận tiền của * May quần áo cưới * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Mời thầy chữa bệnh * Khơi mương * Đào giếng * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
16/6 Hắc Đạo	6/8	* Cúng tế, cầu phúc * May quần áo cưới * Đắp đê chống lụt * Nhận tiền của * Khơi mương * Đào giếng	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột, gác xà * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Đi xa trở về * Phá thổ, an táng, cải táng

2009 KỶ SỬU

THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/6	7/8	* Động thổ xây dựng * Khai sơn * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * May quần áo cưới * Nhận người * Nhận tiền của * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng
18/6 Hắc Đạo	8/8	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lắp ao hồ	* Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bình tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/6 Hoàng Đạo	9/8	* Nộp đơn, hội họp * May quần áo cưới * Lắp ao hồ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Đánh cá, đi thuyền
20/6 Hoàng Đạo	10/8	* Xuất hàng * Thu nạp người làm * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khởi mương * Đào giếng * Sửa tường, sửa đường * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, cải táng

2009 KỶ SỬU
THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/6 Hoàng Đạo	11/8	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
22/6 Hắc Đạo	12/8	* May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ * Đánh cá, đi thuyền * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Cưới gả * Ký kết, giao dịch * Dựng cột gác xà
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/6	13/8	* Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng	* Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hương hỷ thần: Tây-Bắc * Hương Tài thần: Chính Đông			
24/6 Hoàng Đạo	14/8	* Nhập trạch * Tạo tác * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa	* Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hương hỷ thần: Tây-Nam * Hương Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/6 Hắc Đạo	15/8	* Cúng tế * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Nộp đơn	* Mời thầy chữa bệnh * Cưới gả * Khơi mương, đào giếng * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
26/6	16/8	* Khai trương cửa hàng * Nộp đơn, hội họp * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/6	17/8	* Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Phá thổ, an táng, cải táng
28/6 Hắc Đạo	18/8	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Đi xa trở về	* Cưới gả * Mở cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tái thần: Đông - Nam			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tái thần: Đông Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG SÁU (thiếu) TÂN MÙI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/6	19/8	* Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới	* Xuất hành đi xa * Dựng cột gác xà * Mời thầy chữa bệnh * Cưới gả
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Thân * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/7 Hắc Đạo	20/8	* Cúng tế * May quần áo cưới * Đi xa trở về	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mở cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
2/7	21/8	* Xuất hành đi xa * Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * An táng cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế * Tiếp xúc dân * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/7 Hắc Đạo	22/8	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
4/7 Hoàng Đạo	23/8	* Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở cửa hàng	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/7 Hoàng Đạo	24/8	* Hội họp * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Sửa kho	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
6/7	25/8	* Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * An táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Dần, Bính Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/7 Hắc Đạo	26/8	* Cúng tế * May quần áo cưới * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Nhận tiền của	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Lạm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
8/7	27/8	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Thu nạp người * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Lạm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Mở cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đi xa trở về * Khơi mương
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/7 Hoàng Đạo	28/8	* Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Xuất hành đi xa * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Lau (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
10/7 Hắc Đạo	29/8	* Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Chặt cây lấy gỗ	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Nhận tiền của * Mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/7 Hoàng Đạo	30/8	* Cùng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Tiếp xúc dân * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Dựng nhà * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đình hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Dỡ nhà, phá tường * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng
12/7	31/8	* Xuất hành đi xa * Đình hôn, ăn hỏi, cưới gả * Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột, gác xà * Nạp tài * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/7 Hắc Đạo	1/9	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Lấp ao hồ	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương mở cửa hàng * Xuất hành đi xa * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tái thần: Chính Bắc			
14/7	2/9	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Mở cửa hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tái thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU

THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/7 Hắc Đạo	3/9	* Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * May quần áo cưới * Lắp hàng hồ * Đánh cá, đi thuyền	* Cưới gả * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
16/7 Hoàng Đạo	4/9	* Cúng tế * Sửa tường * Sửa đường	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển chỗ ở * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Quý (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tý, Bính Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/7 Hoàng Đạo	5/9	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Xuất hành đi xa * Nhận người * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
18/7	6/9	* Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cưới * Nhận tiền của	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Liếu (cát tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu - Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/7 Hắc Đạo	7/9	* Cúng tế * Lắp ao hồ * May quần áo cưới * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Định hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Khai trương cửa hàng * Nhận người * Khời mương * Đào giếng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
20/7	8/9	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * May quần áo cưới * Định hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Dực (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/7 Hoàng Đạo	9/9	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng * Định hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
22/7 Hắc Đạo	10/9	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Đi xa trở về	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông Nam * Hướng Tài thần:			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/7 Hoàng Đạo	11/9	* Sửa chữa nhà cửa * Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Nhập học * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
24/7	12/9	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, nhập học * Xuất hành đi xa * Tiếp xúc dân * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đù) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/7 Hắc Đạo	13/9	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Đi xa trở về * Nhận người * Hội họp	* Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột gác xà * Phá thổ, an táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
26/7	14/9	* Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cưới	* Cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/7 Hắc Đạo	15/9	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Khởi mương * Đào giếng	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
28/7 Hoàng Đạo	16/9	* Khởi công * Thu nạp người làm * Phá thổ, an táng, cải táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Lấp ao hồ * Nhận tiền của	* Cúng tế * Cưới gả * Làm chuồng trại, mua gia súc * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Bình) * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG BẢY (đủ) NHÂM THÂN

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/7 Xất chủ	17/9	* Chặt cây lấy gỗ * Khởi mương * Đi xa trở về * May quần áo cưới, mừng thọ	* Cưới gả * Mở kho, xuất tiền hàng * Mua gia súc
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bình tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Đinh * Giờ hoàng đạo: Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
30/7	18/9	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dần * Tuổi xung: Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/8 Hoàng Đạo	19/9	* Cúng tế, cầu phúc * Nhận người * Trừ sâu bọ * phá hoại hoa màu * Săn bắt muông thú * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Sửa kho * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Khởi mương * Đào giếng
2/8	20/9	* Cúng tế * Dỡ nhà, phá tường * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng	* Nộp đơn, hội họp * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính tây			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÂM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/8	21/9	* Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới * Tu tạo * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Nạp tài * Lâm chường trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng
4/8 Hắc Đạo	22/9	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đi xa trở về * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Đình hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Tỵ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tỵ * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/8	23/9	* Chặt cây lấy gỗ * Cúng tế * Trừ sâu bệnh phá hoại hoa màu	* Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khởi mương * Đào giếng * Sửa đường, sửa tường * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tái thần: Chính Đông			
6/8	24/9	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Tiếp xúc dân * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Khởi mương * Đào giếng * Đi thuyền, đánh cá
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/8 Hoàng Đạo	25/9	* Cúng tế * May quần áo cưới * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiến hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
8/8	26/9	* Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cưới * Sửa nhà * Dỡ tường	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/8 Hắc Đạo	27/9	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Nộp đơn, hội họp * Khởi mương, đào giếng * Đặt cối xay giã * Dỡ nhà, phá tường	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
10/8	28/9	* May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Khởi mương * Dỡ tường * Làm chuồng trại, mua gia súc * Lắp ao hồ	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/8 Hắc Đạo	29/9	* Cúng tế * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Khơi mương * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Lấp hang hố * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Xuất hành đi xa * Dựng cột, gác xà
12/8 Hoàng Đạo	30/9	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mở cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc * Hội họp, nhậm chức * Mời thầy chữa bệnh	* Khơi mương * Đào giếng * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây	* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc		

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/8 Hoàng Đạo	1/10	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Nhận người * Săn bắt muông thú * An táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Sửa kho * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Khởi mương * Đào giếng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
14/8	2/10	* Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Cúng tế * Dỡ nhà, phá tường	* Cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Khởi mương * Đào giếng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu). QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/8 Hắc Đạo	3/10	* Thu nạp người * Chuyển đến nơi ở mới * Nạp tài * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Liếu (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Ty * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
16/8	4/10	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, nhập học * Xuất hành đi xa * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Lợp mái nhà * Khởi mương * Đào giếng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/8	5/10	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Nhận tiền của * Đi xa trở về * Cúng tế	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Dựng cột, gác xà
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
18/8 Hắc Đạo	6/10	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, nhập học * Tiếp xúc dân * May quần áo cưới * Khơi mương * Đào giếng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ ĐẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/8 Hoàng Đạo	7/10	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Tiếp xúc dân	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng * Ký kết, giao dịch
20/8	8/10	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Tiếp xúc dân * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới * Dựng nhà * Nhận tiền của * Phá thổ, an táng, cải táng	* Đắp đê, phòng lụt * Khởi mương * Đào giếng * Dỡ nhà, phá tường * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/8 Hoàng Đạo * Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Tị, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây	9/10	* Động thổ xây dựng * Khởi công * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Khởi mương * Đào giếng * Lấp ao hồ * Dỡ nhà, phá tường * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng
22/8 * Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Bắc	10/10	* Đình hôn, ăn hỏi, cưới gả * Dựng cột, gác xà * Mở cửa hàng * Ký kết, giao dịch * May quần áo cưới * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đi khơi đánh cá * Mời thầy chữa bệnh

2009 KỶ SỬU

THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/8 Hắc Đạo	11/10	* Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cưới * Đi xa trở về	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
24/8 Hoàng Đạo	12/10	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Đi xa trở về * Nhân tiến của * Mở kho, xuất tiến hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Săn bắt muông thú * Mời thầy chữa bệnh * Đánh cá, đi thuyền * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Canh T hân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/8 Hoàng Đạo	13/10	* Hội họp * Xuất hành đi xa * Tiếp xúc dân * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Xếp đặt buồng sản phụ * Khơi mương * Đào giếng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
26/8	14/10	* Nhập trạch * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Chuyển đến chỗ ở mới * Làm chuồng trại, mua gia súc * Mở kho, xuất tiền hàng	* Nộp đơn * May quần áo cưới * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/8 Hắc Đạo	15/10	* Mời thầy chữa bệnh * Dỡ nhà, phá tường * Nộp đơn, hội họp * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
28/8	16/10	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành * Chuyển đến nơi ở mới * Kê giường cưới * Nhận tiền của * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Lợp mái nhà * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Đánh cá * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG TÁM (thiếu) QUÝ DẬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/8	17/10	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập học * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Nộp đơn * Nhậm chức * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Tị * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/9	18/10	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Săn bắt muông thú	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mua gia súc * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng
2/9 Hoàng Đạo	19/10	* Cúng tế * Nhập học * May quần áo cưới * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Khởi mương * Đào giếng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Dựng cột, gác xà * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bính thân * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/9 Hắc Đạo	29/10	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Đào giếng	* Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
4/9 Hoàng Đạo	21/10	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở cửa hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Hội họp * Dựng cột, gác xà * Mở kho, xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh	* Động thổ xây dựng * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU

THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/9	22/10	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ * Đi khơi, đánh cá * Nhận tiền của	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
6/9 Hắc Đạo	23/10	* Khơi mương * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đi xa trở về * Đánh cá, đi thuyền	* Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG CHÍN (đù) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/9	24/10	* Chặt cây lấy gỗ * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Dần, Bính thân, Nhâm thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
8/9 Hắc Đạo	25/10	* Hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Đặt cối xay giã	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/9	26/10	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * May quần áo cưới * Phá thổ, an táng, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Lấp ao hồ
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
10/9	27/10	* Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế * Dỡ nhà * Phá tường
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Chủy (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam	Hoàng Đạo		

2009 KỶ SỬU
THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/9	28/10	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú
12/9 Hắc Đạo	29/10	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tỉnh (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU

THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/9	30/10	* Xuất hành đi xa * Dựng cột, gác xà * Mở kho, xuất tiền hàng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
14/9 Hoàng Đạo	31/10	* Cúng tế * Nộp đơn * Tiếp xúc dân * May quần áo * Sửa kho * Nhân tiên của * Đặt cối xay giã * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/9 Hắc Đạo	1/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đi xa trở về * May quần áo cưới	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Cưới gả
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
16/9 Hoàng Đạo	2/11	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Khơi mương	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/9	3/11	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ	* Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Mão * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính tý, Bính Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
18/9	4/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Khởi mương * Đi xa trở về * Cúng tế	* Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/9	5/11	* Cúng tế * May quần áo cưới * Đi khơi, đánh cá	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
20/9 Hắc Đạo	6/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Dựng nhà * Nhận tiền của	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đi xa trở về * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/9 Hoàng Đạo	7/11	* Nộp đơn * Mời thầy chữa bệnh * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Săn bắt muông thú	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Khởi mương * Đào giếng * Dỡ nhà * Phá tường * Phá thổ, an táng, cải táng
22/9 Hoàng Đạo	8/11	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Lấp ao hồ	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Phong (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU

THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/9	9/11	* Cúng tế * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú	* Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
24/9 Hắc Đạo	10/11	* Cúng tế, cầu phúc * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/9	11/11	* Dựng cột, gác xà * Mở kho, xuất tiền hàng * May quần áo cưới	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khởi mương * Đào giếng * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
26/9 Hoàng Đạo	12/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Săn bắt muông thú	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU

THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/9 Hắc Đạo	13/11	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Nhập học * May quần áo cưới * Dựng nhà * Sửa kho * Đặt cối xay giã * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Khởi mương * Đào giếng * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			
28/9 Hoàng Đạo	14/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Dỡ nhà, phá tường * Khởi mương * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cầu phúc, cầu tự * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Dựng cột, gác xà * Mua gia súc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Đinh Tị, Đinh Hợi, Quý Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG CHÍN (đủ) GIÁP TUẤT

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/9	15/11	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Lắp ao hồ * May quần áo cưới * Khai trương cửa hàng	* Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Dậu * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Đông Nam			
30/9 Hắc Đạo	16/11	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới	* Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thân * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MƯỜI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/10	17/11	* Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Nhận người * May quần áo cưới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng
2/10 Hắc Đạo	18/11	* Cúng tế * May quần áo cưới * Sửa tường, Sửa đường * Đi xa trở về * Khởi mương	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Dựng cột, gác xà * Mua gia súc * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chín Tây			
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỖI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/10	19/11	* Lấp ao hồ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * May quần áo cưới	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Cháp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
4/10 Hắc Đạo	20/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MUỖI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/10 Hoàng Đạo	21/11	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Sân bát muông thù * Nhận tiền của * May quần áo cưới * Khơi nương * Dỡ nhà, phá tường * Lấp ao hồ	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiến hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
6/10 Văng vong	22/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Khơi nương * Chặt cây lấy gỗ	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Cưới gả * Phá thổ an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỖI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/10	23/11	* Khởi tạo * Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Ký kết, giao dịch * May quần áo cưới * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Phá thổ, an táng, cải táng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
8/10	24/11	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Săn bắt muông thú * Chặt cây lấy gỗ * Khởi mương * Nhận tiền của	* Cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Dậu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Mão, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MUỖI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/10	25/11	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Ký kết, giao dịch * Hội họp * Nhập học * Làm chuồng trại, mua gia súc * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Tuất * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Thìn, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
10/10	26/11	* May quần áo cưới * Đắp đê chống lụt * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Đi xa trở về * Nhận người	* Cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mở cửa hàng * Dựng cột, gác xà
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MƯỜI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/10 Hắc Đạo	27/11	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Đi xa trở về	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính tý * Ngũ hành: Thuỷ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
12/10 Hoàng Đạo	28/11	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Đình hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Chặt cây lấy gỗ
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỖI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/10	29/11	* Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Nhận người * May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế, cầu phúc * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
14/10 Hắc Đạo	30/11	* Cúng tế, cầu phúc * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Khởi mương	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mua gia súc * Dựng cột, gác xà * Mở cửa hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MUỖI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/10	1/12	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn, hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cưới * Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch	* Mời thầy chữa bệnh * Đặt khung cử * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			
16/10	2/12	* Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * May quần áo cưới * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Cưới gả * Động thổ xây dựng * Giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chấn (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Hợi, Tân Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MƯỜI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/10 Hoàng Đạo	3/12	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Khai trương cửa hàng * Mở cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Dựng cột, gác xà * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
18/10 Văng vong	4/12	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ	* Cưới gả * Nhận người * Mời thầy chữa bệnh * Mua gia súc * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MUỖI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/10	5/12	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Phá thổ, an táng, cải táng * Mời thầy chữa bệnh * Dựng cột, gác xà	* Kê giường cưới * Mở kho, xuất tiền hàng * Khơi mương * Đào giếng * Đặt cối xay giã * Dỡ nhà, phá tường * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
20/10 Hắc Đạo	6/12	* Cúng tế, cầu phúc * Tiếp xúc dân * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Sửa kho * Nhận tiền của * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỖI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/10	7/12	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đi xa trở về * Hội họp	* Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tả (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính Tuất * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
22/10 Hoàng Đạo	8/12	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Khơi mương	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở kho, xuất tiền hàng * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Nạp tài * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Đinh Hợi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Tị, Tân Hợi, Đinh Hợi * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MƯỜI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/10 Hắc Đạo	9/12	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Đi xa trở về * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Mậu Tý * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Mậu Ngọ, Nhâm Tý, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
24/10 Hoàng Đạo	10/12	* Cúng tế, cầu phúc * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỖI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/10	11/12	* Nộp đơn, hội họp * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * An táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ, xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tái thần: Chính Đông			
26/10 Hắc Đạo	12/12	* Hội họp * Tiếp xúc dân * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Sửa kho * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tái thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MƯỜI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/10	13/12	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * May quần áo cưới * Đi khơi, đánh cá	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
28/10 Hắc Đạo	14/12	* Cúng tế * May quần áo cưới * Đi xa trở về * Đi khơi, đánh cá	* Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Nguy (Hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Sửu, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MƯỜI (thiếu) ẤT HỢI

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/10 Hoàng Đạo	15/12	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Nhập trạch * Chuyển đến nơi ở mới * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Thìn * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỐI MỘT (đủ) BÌNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/11 Hắc Đạo	16/12	* Cúng tế * Hội họp * Nhập học * May quần áo cưới * Đắp đê chống lụt * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Ất Mùi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Ngụy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Kỷ Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
2/11 Hoàng Đạo	17/12	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Nộp đơn, hội họp * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Ký kết, giao dịch	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lấp ao hồ * Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Bình Thân * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bình Dần, Canh Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỐI MỘT (đủ) BÌNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/11 Hoàng Đạo	18/12	* Cúng tế, cầu tự * Nhập học * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Đinh Dậu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
4/11	19/12	* Dựng cột, gác xà * Lấp ao hồ * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở cửa hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Mậu Tuất * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Thìn, Nhâm Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỐI MỘT (đù) BÍNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/11 Hắc Đạo	20/12	* Cúng tế * Hội họp * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Khởi mương, đào giếng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Dính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Kỷ Hợi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tị, Quý Tị, Quý Hợi * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
6/11	21/12	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Dính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Săn bắt muông thú * Đặt khung cửi
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Canh Tý * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Tât (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tý, Canh Ngọ, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MƯỜI MỘT (ĐÚ) BÌNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/11 Hoàng Đạo	22/12	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Hội họp * Dựng cột, gác xà * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Mời thầy chữa bệnh * Mở cửa hàng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Tân Sửu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Sửu, Tân Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
8/11 Hắc Đạo	23/12	* Nộp đơn, hội họp * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Sửa kho * Nhận tiền của * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Nhâm Dần * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Sâm (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bình Dần, Bình Thân, Nhâm Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MƯỜI MỘT (đủ) BÌNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/11 Hoàng Đạo	24/12	* Hội họp * Xuất hành đi xa * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Phá thổ, an táng, cải táng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Khởi mương * Đào giếng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Quý Mão * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Mão, Quý Dậu, Đinh Dậu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
10/11	25/12	* Dựng cột, gác xà * Nhập trạch * Nhận tiền của * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * May quần áo cưới * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Xuất hành đi xa * Mở kho, xuất tiền hàng * Khởi mương * Đào giếng * Dỡ nhà * Phá tường * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Giáp Thìn * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Thìn, Giáp Tuất, Mậu Tuất * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỐI MỘT (đủ) BÌNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/11 Hắc Đạo	26/12	* Cúng tế * Dỡ nhà, phá tường * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở kho, xuất tiền hàng * Khơi mương * Đào giếng * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Ất Tị * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Liễu (cát tinh) * Trục: Chập * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
12/11	27/12	* Cúng tế * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Chặt cây lấy gỗ * May quần áo cưới * Làm chuồng trại, chăn nuôi gia súc	* Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Bình Ngọ * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bình Tý, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỐI MỘT (đủ) BÌNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/11 Hắc Đạo	28/12	* Cúng tế, cầu phúc * Hội họp * Nhập học * May quần áo cưới * Đắp đê chống lụt * Dựng nhà * Sửa kho * Nhận tiền của * Đặt cối xay gạo * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Nộp đơn * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Đinh Mùi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Sửu, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
14/11 Hoàng Đạo	29/12	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Hội họp * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Săn bắt muông thú * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới * Đắp đê chống lụt * Mở kho, xuất tiền hàng	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Mậu Thân * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Dục (cát tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Dần, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỐI MỘT (dù) BÍNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/11 Hoàng Đạo	30/12	* Cúng tế, cầu tự * Nộp đơn, nhập học * Nhận tiền của * Khởi mương * Đào giếng * Lạm chuồng trại, mua gia súc * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Phá thổ, an táng, cải táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Kỷ Dậu * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chẩn (hung tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Mão, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
16/11	31/12	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Đặt cối xay gạo	* Động thổ xây dựng * Cưới gả * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Canh Tuất * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Tuất, Giáp Thìn, Canh Tuất * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỖI MỘT (đủ) BÍNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/11 Hắc Đạo	1/1/2010	* Cúng tế * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Khơi mương * Lắp ao hồ	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng * Dựng cột, gác xà
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Tân Hợi * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Hợi, Ất Tị, Tân Hợi * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
18/11	2/1/2010	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Làm chuồng trại, mua gia súc * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Khơi mương * Đào giếng	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Mở cửa hàng * Cúng tế, cầu phúc, cầu tự
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Nhâm Tý * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tý, Bính Ngọ, Nhâm Tý * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MUỖI MỘT (đu) BÌNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/11 Hoàng Đạo	3/1/2010	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn, hội họp * Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * May quần áo cưới	* Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Mở cửa hàng * Đào giếng * Khởi tạo
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Quý Sửu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Sửu, Đinh Mùi, Quý Sửu * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
20/11 Hắc Đạo	4/1/2010	* Nộp đơn, hội họp * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * Nhận người * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * An táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Đi xa trở về * Khai trương cửa hàng * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Giáp Dần * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Dần, Mậu Thân, Giáp Dần * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MƯỜI MỘT (đủ) BÌNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/11 Hoàng Đạo	5/1/2010	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nhận người * Mở kho, xuất tiền hàng * May quần áo cưới * Đi xa trở về * Lấp ao hồ	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Đi khơi, đánh cá * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Ất Mão * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bình Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Mão, Kỷ Dậu, Giáp Thân * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
22/11	6/1/2010	* Nộp đơn, hội họp * Nhận người * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Phá thổ, an táng, cải táng	* Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng * Mở kho, xuất tiền hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Bính Thìn * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tuất, Canh Tuất, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỐI MỘT (đù) BÍNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/11 Hắc Đạo	7/1/2010	* Cúng tế * May quần áo cưới * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Đánh cá, đi thuyền	* Xuất hành đi xa * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Mở cửa hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Đinh Tị * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Hợi, Tân Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			
24/11	8/1/2010	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ * Đi xa trở về	* Cầu phúc cầu tự * Hội họp * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Mậu Ngọ * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Mậu Tý, Nhâm Tý, Mậu Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỐI MỘT (đủ) BÌNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/11 Hắc Đạo	9/1/2010	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Lấp ao hồ	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Động thổ xây dựng * Làm chuồng trại, mua gia súc
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Kỷ Mùi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nữ (cát tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Mão, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Quý Sửu, Kỷ Mùi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
26/11 Hoàng Đạo	10/1/2010	* Hội họp * Nhập học * Xuất hành đi xa * Tiếp xúc dân * Chuyển đến nơi ở mới * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Động thổ xây dựng * Mở kho, xuất tiền hàng * Đi khơi, đánh cá
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Canh Thân * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bình tý * Sao: Hư (cát tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Canh Dần, Giáp Dần, Canh Thân * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MUỖI MỘT (đủ) BÍNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/11 Hoàng Đạo	11/1/2010	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Trừ sâu bọ phá hoại hoa màu * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Tân Dậu * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Thành * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Mão, Ngọ, Mùi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Mão, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
28/11	12/1/2010	* Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Khai trương cửa hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Dựng nhà * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Hội họp * Nhập học	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Mời thầy chữa bệnh * Đi xa trở về * Săn bắt muông thú
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Nhâm Tuất * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Thu * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Bính Tuất, Nhâm Thìn, Bính Thìn * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỐI MỘT (đù) BÍNH TÝ

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/11 Hắc Đạo	13/1/2010	* May quần áo cưới * Mua sắm * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Quý Hợi * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Tị, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
30/11	14/1/2010	* Cúng tế * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Cải táng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Giáp Tý * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Mão, Ngọ, Thân * Giờ xấu: Dậu * Tuổi xung: Giáp Ngọ, Mậu Ngọ, Mậu Tý * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MƯỜI HAI (đủ) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
1/12 Hắc Đạo	15/1/2010	* Cúng tế * May quần áo cưới * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Đi xa trở về * Mở cửa hàng * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Ất Sửu * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Sửu, Kỷ Mùi, Ất Mùi * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Đông – Nam			
2/12	16/1/2010	* Phá thổ, an táng, cải táng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của	* Cúng tế, cầu phúc * Chuyển đến nơi ở mới  * Đi xa trở về * Sửa kho * Mở kho, xuất tiền hàng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Bính Dần * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Thân, Canh Thân, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MUỖI HAI (đu) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
3/12 Hoàng Đạo	17/1/2010	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Lấp ao hồ * Làm chuồng trại, mua gia súc * Dựng cột, gác xà * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Đinh Mão * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Mão (cát tinh) * Trục: Mão * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Tân Mão, Đinh Dậu, Tân Dậu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
4/12 Hắc Đạo	18/1/2010	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn * Nhận chức * Tiếp xúc dân * Nhận người * May quần áo cưới * Sửa kho * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Mậu Thìn * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Tất (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Nhâm Thìn, Mậu Tuất, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tái thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MƯỜI HAI (đủ) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
5/12 Hoàng Đạo	19/1/2010	* Cúng tế, cầu phúc * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Săn bắt muông thú * Đi xa trở về * Dựng cột, gác xà	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Mời thầy chữa bệnh * Mua gia súc
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Kỷ Tị * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Chuỷ (cát tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Quý Tị, Quý Hợi, Kỷ Hợi * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tái thần: Chính Bắc			
6/12	20/1/2010	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Chuyển đến nơi ở mới * Động thổ xây dựng * Dựng cột, gác xà * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đi khơi, đánh cá * Đi xa trở về
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Canh Ngọ * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Sâm (Cát tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tý, Giáp Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tái thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỖI HAI (đu) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
7/12 Hắc Đạo	21/1/2010	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Nộp đơn * May quần áo * Đi xa trở về * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Tân Mùi * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Tinh (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Sửu, Ất Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
8/12	22/1/2010	* Xuất hành đi xa * Hội họp, nhận chức * Dựng cột, gác xà * Phá thổ, an táng, cải táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Ký kết, giao dịch * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Kê giường cưới * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khởi mương, đào giếng * Dỡ nhà, phá tường * Đánh cá, đi thuyền * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Nhâm Thân * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Quỷ (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Dần, Nhâm Dần, Bính Thân * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MUỖI HAI (đủ) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
9/12 Hắc Đạo	23/1/2010	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Đi xa trở về * Săn bắt muông thú * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng, cải táng
10/12 Hoàng Đạo	24/1/2010	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Nhập học * May quần áo cưới * Khởi mương * Đào giếng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Khai trương cửa hàng * Ký kết, giao dịch * Đánh cá, đi thuyền * Động thổ xây dựng

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỖI HAI (đù) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
11/12 Hoàng Đạo	25/1/2010	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Chuyển đến nơi ở mới * Đi xa trở về * Mở kho, xuất tiền hàng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * May quần áo cưới * Nhận tiền của
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Ất Hợi * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Trương (cát tinh) * Trục: Khai * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Tị, Ất Tị, Kỷ Hợi * Tuổi hợp: Mão, Mùi * Hướng hỷ thần: Tây – Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			
12/12 Hoàng Đạo	26/1/2010	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Đi xa trở về * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Phá thổ, an táng, cải táng	* Động thổ xây dựng * Mua gia súc * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Bính Tý * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Dực (cát tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Canh Ngọ, Bính Ngọ, Canh Tý * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỖI HAI (đỏ) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
13/12 Hắc Đạo	27/1/2010	* May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc	* Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Đinh Sửu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Chẩn (hung tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Tân Mùi, Đinh Mùi, Tân Sửu * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tái thần: Chính Tây			
14/12	28/1/2010	* Nộp đơn, hội họp * Nhận người * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ, xây dựng * Chuyển chỗ ở * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Mậu Dần * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Giác (hung tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Nhâm Thân, Mậu Thân, Nhâm Dần * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tái thần: Chính Bắc			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MƯỜI HAI (đủ) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
15/12 Hoàng Đạo	29/1/2010	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * May quần áo cưới * Hội họp, nhận chức * Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Mở cửa hàng * Đi xa trở về * Nhận tiền của	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Kỷ Mão * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cang (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Quý Dậu, Kỷ Dậu, Quý Mão * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
16/12 Hắc Đạo	30/1	* Cúng tế, cầu phúc * Nộp đơn * Hội họp * Nhậm chức * Tiếp xúc dân * Nhận tiền của * Đặt cối xay gạo * Mua gia súc	* Mời thầy chữa bệnh * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Ký kết, giao dịch
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Canh Thìn * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đê (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tuất, Canh Tuất, Giáp Thìn * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MƯỜI HAI (đù) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
17/12	31/1/2010	* Dựng cột, gác xà * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Lâm chuông trại, mua gia súc	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Chủ Nhật * Can chi: Tân Tị * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Phòng (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: ất Hợi, Tàn Hợi, Ất Tị * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
18/12	1/2/2010	* Cúng tế * May quần áo cưới * Khơi mương * Đào giếng * Lấp ao hồ	* Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Nhâm Ngọ * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Canh Tý * Sao: Tâm (hung tinh) * Trục: Chấp * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tý, Nhâm Tý, Bính Ngọ * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MUỐI HAI (đủ) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
19/12 Hắc Đạo	2/2/2010	* Chặt cây lấy gỗ * Săn bắt muông thú * Nhận người * May quần áo cưới	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Xuất hành đi xa * Động thổ xây dựng * Mở cửa hàng * Mua gia súc * Ký kết, giao dịch * Khai trương cửa hàng
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Quý Mùi * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Vỹ (hung tinh) * Trục: Phá * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Sửu, Quý Sửu, Đinh Mùi * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
20/12	3/1/2010	* Cúng tế * Nộp đơn * Nhận chức * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Nhận tiền của * Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Chặt cây lấy gỗ	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mời thầy chữa bệnh * Ký kết, giao dịch * Dựng cột, gác xà * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Giáp Thân * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Cơ (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Mậu Dần, Giáp Dần, Mậu Thân * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỐI HAI (dù) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
21/12 Hắc Đạo	4/2/2010	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Nộp đơn * Nhập học * Nhận chức * Tiếp xúc dân * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * May quần áo cưới * Nhận tiền của	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Dựng cột, gác xà * Sân bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Ất Dậu * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Đẩu (hung tinh) * Trục: Nguy * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Mão, Ất Mão, Kỷ Dậu * Hướng hỷ thần: Tây-Bắc * Hướng Tai thần: Đông – Nam			
22/12 Hoàng Đạo	5/2/2010	* Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng * Sân bắt muông thú	* Cúng tế, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * May quần áo cưới * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Bính Tuất * Ngũ hành: Thổ * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Ngưu (hung tinh) * Trục: Thánh * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Thìn, Canh Tuất, Bính tuất * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tai thần: Chính Tây			

2009 KỶ SỬU

THÁNG MƯỜI HAI (đu) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
23/12 Hoàng Đạo	6/2/2010	* Cúng tế * Nhập học * Đi xa trở về * Dựng cột, gác xà * Làm chuồng trại, mua gia súc * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng	* Khai trương cửa hàng * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Phá thổ, an táng
24/12 Hoàng Đạo	7/2/2010	* Cúng lễ, cầu phúc, cầu tự * Xuất hành đi xa * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Chuyển chỗ ở mới * Đi xa trở về * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng

2009 KỶ SỬU
THÁNG MƯỜI HAI (đu) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
25/12 Hắc Đạo	8/2/2010	* Cúng tế, cầu phúc * Nhập trạch * May quần áo cưới * Nhận tiền của	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mua gia súc * Dựng cột, gác xà * Khơi mương * Đào giếng
* Thứ: Thứ Hai * Can chi: Kỷ Sửu * Ngũ hành: Hỏa * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Nguy (hung tinh) * Trục: Bế * Giờ hoàng đạo: Dần, Tị, Thân, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Kỷ Mùi, Quý Sửu, Kỷ Sửu * Hướng hỷ thần: Đông – Bắc * Hướng Tài thần: Chính Bắc			
26/12	9/2/2010	* Động thổ xây dựng * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Khai trương cửa hàng * Nhập trạch * Phá thổ, an táng, cải táng * Nhận tiền của * Nộp đơn * Hội họp * Mở kho, xuất tiền hàng	* Cúng tế * Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Săn bắt muông thú * Đánh cá, đi thuyền
* Thứ: Thứ Ba * Can chi: Canh Dần * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Bính Tý * Sao: Thất (cát tinh) * Trục: Kiến * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Thìn, Tị, Mùi, Tuất * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Canh Thân, Giáp Dần, Canh Dần * Hướng hỷ thần: Tây - Bắc * Hướng Tài thần: Chính Đông			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MUỖI HAI (đủ) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
27/12 Hoàng Đạo	10/2/2010	* Nộp đơn, hội họp * Xuất hành đi xa * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Dựng nhà * Sửa kho * Nhận tiền của * Làm chuồng trại, mua gia súc * Phá thổ, an táng, cải táng	* Cúng tế * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc
* Thứ: Thứ Tư * Can chi: Tân Mão * Ngũ hành: Mộc * Giờ đầu của ngày: Mậu Tý * Sao: Bích (cát tinh) * Trục: Trừ * Giờ hoàng đạo: Tý, Dần, Ngọ, Mùi, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Ất Mão, Tân Dậu, Tân Mão * Hướng hỷ thần: Tây-Nam * Hướng Tài thần: Chính Đông			
28/12 Hắc Đạo	11/2/2010	* Quét dọn nhà cửa sau lễ an táng * Gieo trồng rau, quả, ngũ cốc * Nhận tiền của * Khởi mương, đào giếng * Làm chuồng trại, mua gia súc	* Mời thầy chữa bệnh * Định hôn, ăn hỏi, cưới gả * Mở cửa hàng * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Năm * Can chi: Nhâm Thìn * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Khuê (cát tinh) * Trục: Mãn * Giờ hoàng đạo: Dần, Thìn, Tị, Thân, Dậu, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Bính Tuất, Bính Thìn, Nhâm Tuất * Hướng hỷ thần: Chính Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			

2009 KỶ SỬU
THÁNG MƯỜI HAI (đủ) ĐINH SỬU

Ngày		Nên làm	Không nên làm
Âm lịch	Dương lịch		
29/12	12/2/2010	* Hội họp * Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * May quần áo cưới * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Nhận tiền của * Lâm chuồng trại, mua gia súc	* Xuất hành đi xa * Mời thầy chữa bệnh * Lấp ao hồ * Đánh cá, đi thuyền * Phá thổ, an táng, cải táng
* Thứ: Thứ Sáu * Can chi: Quý Tị * Ngũ hành: Thủy * Giờ đầu của ngày: Nhâm Tý * Sao: Lâu (cát tinh) * Trục: Bình * Giờ hoàng đạo: Sửu, Thìn, Ngọ, Mùi, Tuất, Hợi * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Đinh Hợi, Quý Hợi, Đinh Tị * Hướng hỷ thần: Đông - Nam * Hướng Tài thần: Chính Nam			
30/12	13/2/2010	* Cúng tế * May quần áo cưới * Chặt cây lấy gỗ * Trừ sâu bọ phá hoại mùa màng	* Đính hôn, ăn hỏi, cưới gả * Nhận người * Chuyển đến nơi ở mới * Mời thầy chữa bệnh * Động thổ xây dựng * Ký kết, giao dịch * Mở kho, xuất tiền hàng
* Thứ: Thứ Bảy * Can chi: Giáp Ngọ * Ngũ hành: Kim * Giờ đầu của ngày: Giáp Tý * Sao: Vị (hung tinh) * Trục: Định * Giờ hoàng đạo: Tý, Sửu, Ngọ, Thân, Dậu * Giờ xấu: Mão * Tuổi xung: Giáp Tý, Mậu Tý, Giáp Ngọ * Hướng hỷ thần: Đông - Bắc * Hướng Tài thần: Đông - Nam			

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
LỜI NÓI ĐẦU	3
Phần I XEM NGÀY TỐT XẤU, THEO LỊCH DÂN GIAN NĂM 2007	4
- Tháng Giêng	5
- Tháng 2	20
- Tháng 3	35
- Tháng 4	50
- Tháng 5	65
- Tháng 6	80
- Tháng 7	95
- Tháng 8	110
- Tháng 9	125
- Tháng 10	140
- Tháng 11	155
- Tháng 12	170
Phần II XEM NGÀY TỐT XẤU THEO LỊCH DÂN GIAN NĂM 2008	185
- Tháng Giêng	186
- Tháng 2	201
- Tháng 3	216
- Tháng 4	231

- Tháng 5	246
- Tháng 6	261
- Tháng 7	276
- Tháng 8	291
- Tháng 9	306
- Tháng 10	321
- Tháng 11	336
- Tháng 12	351
Phần III XEM NGÀY TỐT XẤU THEO LỊCH DÂN GIAN NĂM 2009	366
- Tháng Giêng	367
- Tháng 2	382
- Tháng 3	397
- Tháng 4	412
- Tháng 5	427
- Tháng 6	457
- Tháng 7	472
- Tháng 8	487
- Tháng 9	502
- Tháng 10	517
- Tháng 11	532
- Tháng 12	547

NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

HOÀNG LỊCH 2007 - 2008 - 2009

(Xem ngày tốt xấu
theo lịch dân gian)

Biên soạn: NGUYỄN BÍCH HẰNG

Hiệu đính: TRẦN TIẾN BÌNH

*

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN THẾ BÌNH

Biên tập : MẠNH LINH

Trình bày bìa : NS.MINHLAM DESIGN

Trình bày : KIỀU THƯƠNG

Sửa bản in : HOÀNG NGỌC

In 1000 cuốn khổ 16x24 cm, tại Công ty Cổ phần in và thương mại Á Phi.

GPXB số: (78-2007/CXB/198-15/ HP) cấp ngày 24/01/2007.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2007.

BIÊN SOẠN: NGUYỄN BÍCH HẰNG
HIỆU ĐÍNH: TRẦN TIẾN BÌNH

HOÀNG LỊCH

2007

2008-2009

(Xem ngày tốt xấu
theo lịch dân gian)



NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

T1 01 hoàng lịch 2007 -



1 007102 900336
70.000 VNĐ

HOÀNG LỊCH 2007 - 2008 - 2009



8 395088 503409
GIÁ: 70.000 Đ